BẢN TIN
THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Tuần 24 (từ 12/6 - 16/6/2017)

BẢN TIN
THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP
Tài liệu tham khảo
(Phát hành thứ 6 hàng tuần)

Cơ quan thường trực
CỤC CHẾ BIẾN
VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
NÔNG SẢN

Địa chỉ:
Số 10 Nguyễn Công Hoan
Ba Đình - Hà Nội
Điện thoại: 84.4.37711210
Fax: 84.4.37711125
Email: thuongmai.cb@mard.gov.vn
Website: chebien.mard.gov.vn

Chịu trách nhiệm nội dung
TRUNG TÂM
TIN HỌC VÀ THỐNG KÊ

Địa chỉ:
Số 2 - Ngọc Hà - Ba Đình
Hà Nội
Điện thoại: 84.4.37341635
Fax: 84.4.38230381
Email: trangtin@mard.gov.vn
Website: www.mard.gov.vn



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NÔNG LÂM THỦY SẢN TRONG TUẦN

TÌNH HÌNH CHUNG

Tuần qua, Fed đã tăng lãi suất cơ bản thêm 0,25 điểm phần trăm, lần thứ hai trong vòng ba tháng qua, đồng thời nhấn mạnh các yếu tố như nền kinh tế Mỹ tiếp tục tăng trưởng và thị trường việc làm sôi động đã khiến Fed đưa ra quyết định này.

Thị trường thế giới: Giá cà phê tăng do thời tiết vẫn có xu hướng ảnh hưởng đến vụ mùa cà phê tại Brazil và giá được hỗ trợ từ các thông tin về nguồn cung hạn chế.

Tại thị trường Chicago, Mỹ, giá lợn hơi giao kỳ hạn tháng 6/2017 tuần này tăng nhẹ so với tuần trước do nguồn cung hạn chế, giá bán buôn lợn hơi và thịt sống tăng. Giá cá ngừ vây dài (albacore) dự kiến tiếp tục tăng sau khi mùa khai thác mới tại khu vực bờ biển Bắc Mỹ bắt đầu vào tháng tới, do nhu cầu cao và lượng tồn kho thấp.

Thị trường đường thế giới biến động giảm trong tuần này bởi dự báo sản lượng của Brazil sẽ cao hơn dự tính. Giá tiêu Ấn Độ tiếp tục giảm sâu vì chất lượng hàng kém và nhu cầu tiêu thụ suy yếu.

Thị trường trong nước: Nguồn cung dồi dào, sức tiêu thụ chậm khiến giá lợn hơi tại nhiều địa phương vẫn đang tiếp tục giảm.

Giá các mặt hàng thủy hải sản ở tỉnh Bạc Liêu tăng mạnh do nhiều diện tích nuôi trồng thủy sản vào cuối vụ, trong khi đó diện tích nuôi mới chưa đến ngày thu hoạch. Ngoài ra, do ảnh hưởng của thiên tai, thời tiết bất lợi, nên số lượng tàu thuyền ra khơi khai thác, đánh bắt chưa nhiều. Cùng với đó, việc tăng giá nhiên liệu, vật tư, ngư cụ, chi phí sản xuất tăng cũng đẩy giá sản phẩm tăng.

LÚA GẠO



Thị trường thế giới: Giá gạo xuất khẩu trên thị trường châu Á tuần qua tiếp tục tăng lên do nhu cầu mạnh từ các nhà nhập khẩu như Băng-la-đét và Phi-lip-pin.

Tại Thái Lan, gạo tiêu chuẩn 5% tấm được chào bán ở mức 450 – 457 USD/tấn (FOB Băng Cốc), tăng 10 USD/tấn so với 440 – 457 USD/tấn. Giá gạo Thái Lan tăng ổn định kể từ tháng 3/2017 khi thương nhân bắt đầu xếp gạo theo các đơn hàng đã ký và đạt mức cao chưa từng thấy kể từ tháng 8/2013 trong tuần trước. Các nhà xuất khẩu gạo tiếp tục thu mua gạo từ các nhà xay xát trong nước để trang trải các hợp đồng đã ký với Băng-la-đét, I-ran, I-rắc và Phi-lip-pin. Thu hoạch vụ lúa thứ hai của Thái Lan dự kiến sẽ có mặt trên thị trường trong tháng 8 – 9/2017.

Tại Việt Nam, gạo 5% tấm chào bán ở mức 410 USD/tấn (FOB Sài Gòn), tăng 10 USD/tấn so với 395 – 400 USD/tấn tuần trước và là mức cao nhất kể từ tháng 11/2014. Thu hoạch lúa Hè Thu tại Việt Nam sẽ bắt đầu vào cuối tháng này. Giá gạo Việt Nam có xu hướng tăng từ đầu tháng 5/2017 do dự đoán nhu cầu cải thiện từ các nhà nhập khẩu nước ngoài và nguồn cung hạn hẹp.

Băng la đét sẽ nhập khẩu 250.000 tấn gạo với giá 430 USD/tấn và 50.000 tấn gạo đồ với giá 470 USD/tấn từ Việt Nam theo một thỏa thuận giữa Chính phủ hai nước. Số gạo này sẽ được vận chuyển trong vòng 60 ngày, với lần giao đầu tiên sẽ cập cảng Băng-la-đét trong 15 ngày. Mức giá này cao hơn nhiều mức giá đang được trả thông qua các cuộc đấu giá. Được biết, Băng-la-đét đang mua 50.000 tấn gạo trắng với giá 406,48 USD/tấn và 50.000 tấn gạo đồ với giá 427,85 USD/tấn thông qua các cuộc đấu giá. Băng-la-đét cũng đang đàm phán với Thái Lan và Ấn Độ về việc nhập khẩu gạo nhằm làm giảm cơn sốt giá trên thị trường nội địa khi dự trữ đang ở mức thấp 10 năm

Phi-lip-pin sẽ tổ chức một cuộc đấu thầu trong tháng 7/2017 để nhập khẩu 250.000 tấn gạo từ Thái Lan và Việt Nam.

Tại Ấn Độ, gạo đồ 5% tấm tuần qua tăng thêm 7 USD/tấn lên mức 422 – 425 USD/tấn do giá gạo thế giới tăng và nhu cầu mua vào tăng từ các khách hàng châu Phi. Xuất khẩu gạo non-basmati của Ấn Độ trong tháng 4/2017 giảm 18,5% so với một năm trước xuống 475.050 tấn do đồng rupee tăng giá.

Bộ Thương mại Thái Lan cho biết, nước này đã bán thêm 1,66 triệu tấn gạo trị giá 49 triệu USD, chiếm 90% số lượng gạo từ các kho dự trữ của Chính phủ hồi tháng trước để bán đấu giá. Như vậy, số lượng gạo còn lại của Thái Lan kể từ chương trình mua gạo của Chính phủ trước đây là khoảng 3 triệu tấn. Thái Lan có thể giải phóng hoàn toàn kho dự trữ gạo còn lại gồm 160.000 tấn gạo chất lượng tốt đủ tiêu chuẩn tiêu dùng cho người và 2,7 triệu tấn gạo kém chất lượng vào cuối năm nay.

Thái Lan đặt mục tiêu xuất khẩu 9,5 triệu tấn gạo trong năm nay, nhưng có thể sẽ vượt mục tiêu này và đạt tới 10 triệu tấn. Thái Lan sẵn sàng tham gia đấu thầu nhập khẩu gạo của Philippines, một trong những nhà nhập khẩu gạo lớn trên thế giới, với lượng nhập khẩu 250.000 tấn gạo vào tháng tới để bổ sung nguồn cung gạo dự trữ.



Trong khi đó, Bộ trưởng Thương mại Thái Lan cảnh báo một số yếu tố có thể tác động tiêu cực tới các biện pháp đẩy tăng giá gạo của chính phủ nước này, trong đó thông tin thị trường gạo đang bị bóp méo sẽ khiến người nông dân hiểu sai về chính sách của chính phủ liên quan đến kế hoạch tạm dự trữ gạo hoặc những vấn đề về sự biến động giá gạo. Theo Bộ trưởng Thương mại, ngay cả khi không có kế hoạch tạm dự trữ gạo, Chính phủ Thái Lan cũng sẽ giúp người nông dân bán gạo với giá cao hơn do đã có quy định kiểm soát các khoản chi phí như giá phân bón, thuốc trừ sâu, đồng thời kêu gọi các cơ sở xay xát gạo thu mua thóc lúa ở mức giá cao hơn giá thị trường để khuyến khích người nông dân canh tác trên quy mô lớn.

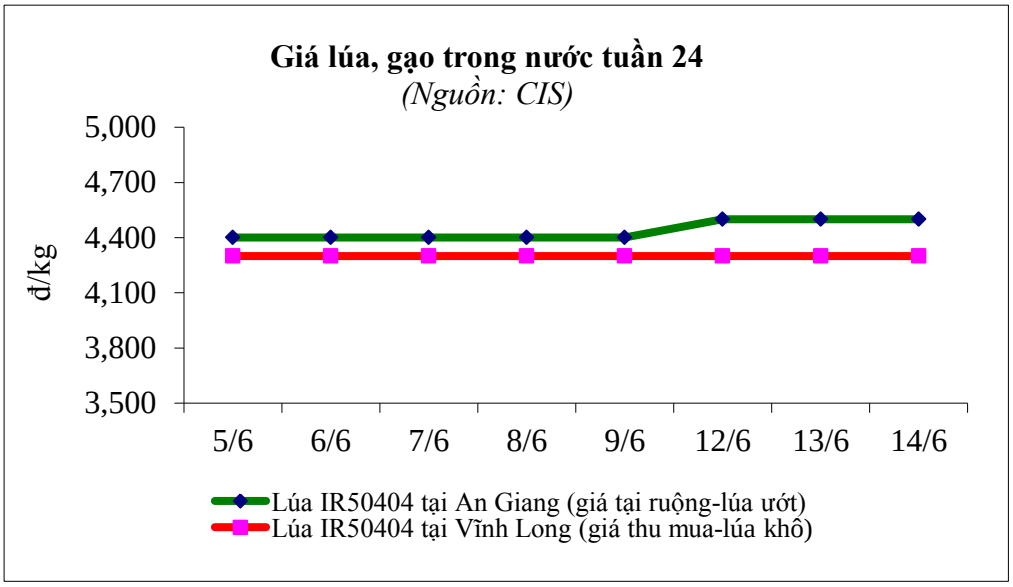
Theo báo cáo mới của Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO), Trung Quốc sẽ là nước sản xuất thóc gạo lớn nhất thế giới với 142,3 triệu tấn, và Ấn Độ đứng thứ hai với 110,4 triệu tấn. Tiếp theo là Indonesia, Bangladesh và Việt Nam. FAO nhận định Hàn Quốc sẽ trở thành nhà sản xuất gạo lớn thứ 15 thế giới trong năm nay với sản lượng dự kiến đạt 4,1 triệu tấn, giảm so với mức 4,2 triệu tấn năm 2016. Sản lượng trên ước chiếm khoảng 0.8% trong tổng số khoảng 502,6 triệu tấn trên toàn thế giới.

Các số liệu mới nhất cho thấy, mức tiêu thụ tính bình quân trên đầu người loại lương thực này trên toàn thế giới ở mức 125,5kg/người, giảm so với mức 127,4kg/người trong năm 2016. Tại Hàn Quốc, mức tiêu thụ tính trên đầu người sẽ là 74,9 kg/người, cũng giảm so với con số 76 kg/người năm 2016.

Thị trường trong nước: Giá lúa, gạo tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) tuần qua diễn biến từ ổn định đến tăng nhẹ. Nông dân đang mong chờ giá lúa tăng lên nữa khi các nhà xuất khẩu gạo mua vào để đáp ứng nhu cầu mới từ các nhà nhập khẩu gạo chủ chốt.

Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, giá lúa tại các tỉnh ĐBSCL tuần qua cụ thể như sau: tại An Giang, lúa IR50404 tăng 100 đ/kg, từ 4.400 đ/kg lên 4.500 đ/kg. Tại Vĩnh Long, lúa Hè Thu mới thu hoạch chủng loại IR50404 giữ ở mức 4.300 đ/kg, lúa khô ở mức 4.900 đ/kg. Tại Bạc Liêu, giá thu mua lúa của Công ty Lương thực tăng nhẹ, lúa OM 5451 tăng từ 7.000 – 7.100 đ/kg lên 7.100 – 7.200 đ/kg (lúa khô); lúa OM 4900 tăng từ 7.100 – 7.200 đ/kg lên 7.200 – 7.300 đ/kg (lúa khô). Tại Kiên Giang, lúa IR50404 giữ ở mức 5.100 đ/kg; lúa OM 4218 giữ ở mức 5.900 đ/kg; lúa OM 6976 ở mức 5.800 đ/kg; lúa Jasmine ổn định ở mức 6.100 đ/kg.





Theo báo cáo Triển vọng Lương thực của Tổ chức Nông Lương của Liên hợp quốc (FAO), sản lượng gạo toàn cầu năm 2017 nhiều khả năng sẽ tăng 0,7% so với năm 2016 lên mức 502,6 triệu tấn nhờ các chính sách thúc đẩy sản xuất tại châu Á và sự phục hồi sản lượng tại Nam Mỹ và Australia. FAO nhận định 5 nước có sản lượng gạo lớn nhất trong năm 2017 lần lượt là Trung Quốc với 142,3 triệu tấn, Ấn Độ với 110,4 triệu tấn, Indonesia, Bangladesh và Việt Nam.

Sau 2 năm suy giảm, khối lượng gạo xuất khẩu toàn cầu được dự báo sẽ tăng 5% trong năm 2017, do các nước nhập khẩu chủ chốt tại châu Á tăng cường lượng nhập khẩu nhằm giảm sức ép lạm phát và bổ sung nguồn gạo dự trữ.

Khối lượng gạo xuất khẩu toàn cầu dự kiến đạt 44,2 triệu tấn so với 43,6 triệu tấn năm 2016, trong đó Ấn Độ sẽ duy trì vị thế nước xuất khẩu gạo lớn nhất, đồng thời Thái Lan và Việt Nam được dự báo cũng sẽ tăng đáng kể khối lượng xuất khẩu.

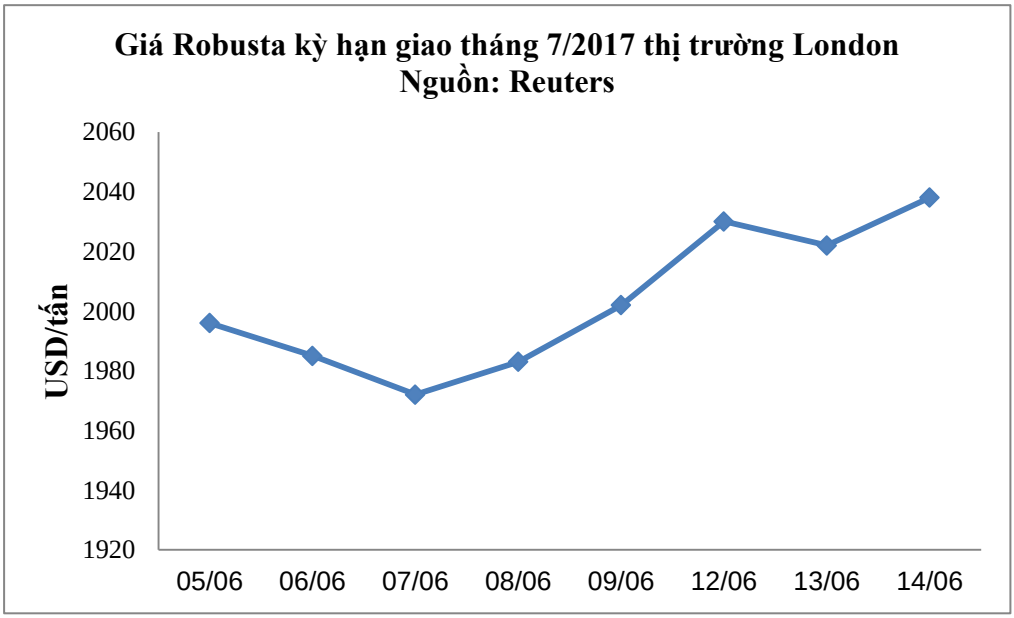
Giá gạo trên thị trường quốc tế đã phục hồi từ đầu năm 2017 nhờ gia tăng nhu cầu thị trường và thay đổi tỷ giá tiền tệ tại Ấn Độ, Thái Lan. FAO dự báo chỉ số giá gạo năm 2017 sẽ đạt 202 điểm, tăng 8% so với mức cuối năm 2016.

N.L.A



Thị trường thế giới: Thị trường cà phê thế giới biến động tăng trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao tháng 7/2017 tăng 36 USD/tấn lên 2.038 USD/tấn. Giá cà phê tăng do thời tiết vẫn có xu hướng ảnh hưởng đến vụ mùa cà phê tại Brazil. Bên cạnh đó, giá cà phê Robusta vẫn được hỗ trợ từ các thông tin về nguồn cung hạn chế.

Giá Robusta kỳ hạn giao tháng 7/2017 thị trường London
Nguồn: Reuters



Công ty xuất khẩu cà phê hàng đầu Brazil Comexim dự báo kim ngạch xuất khẩu cà phê của nước này trong niên vụ 2017-2018 ước đạt 32 triệu bao loại 60kg/bao, giảm 1,4 triệu bao so với niên vụ trước. Kim ngạch xuất khẩu giảm do chu kỳ cho sản lượng thấp 2 năm một lần ở cây cà phê chè (Arabica) và vụ thu hoạch cà phê của Brazil đạt sản lượng thấp nhất trong năm nay, do đó xuất khẩu loại hạt này của nền kinh tế số 1 Mỹ Latinh trong niên vụ 2017-2018 sẽ giảm so với vụ trước.

Brazil là nước xuất khẩu cà phê số một thế giới và cũng đứng đầu về xuất khẩu cà phê hòa tan. Trong năm 2016, sản lượng cà phê của nước Nam Mỹ này lập kỷ lục gần 50 triệu bao, tăng 15% so với năm trước đó. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của hạn hán trầm trọng kéo dài suốt 3 năm gần đây, sản lượng cà phê vối (Robusta) chỉ đạt 8,3 triệu bao, giảm 25% so với năm 2015 và là mức thấp kỷ lục trong vòng 12 năm qua.

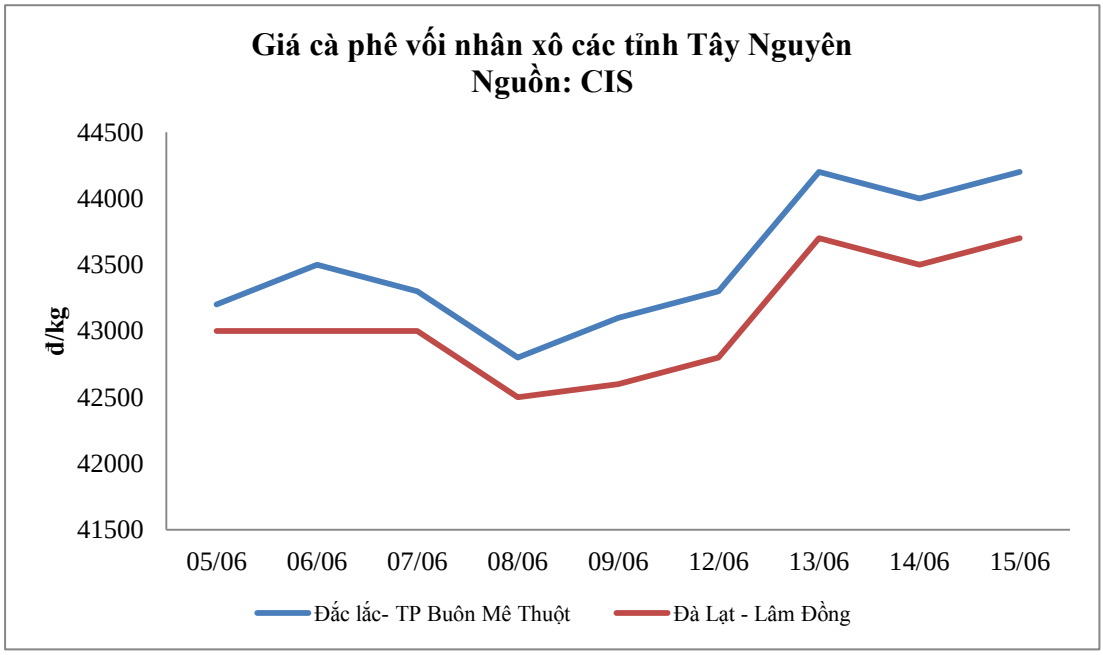
Theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Mỹ USDA, tổng sản lượng cà phê của Ethiopia và Uganda, chiếm tổng cộng hơn 60% sản lượng cà phê toàn châu Phi, sẽ chạm mức 10,9 triệu bao trong niên vụ 2017/18. Đây là ước tính đầu tiên USDA đưa ra cho niên vụ cà phê tới tại châu Phi. Với mức sản lượng này, xuất khẩu cà phê từ hai nước sản xuất lớn nhất châu Phi được dự báo sẽ đạt 7,31 triệu bao, cũng là mức xuất khẩu cao kỷ lục. Sản lượng cà phê tăng mạnh nhất tại Uganda, bất chấp những nỗ lực tăng cường sản xuất của Ethiopia. Chính phủ Ethiopia đang nỗ lực tăng sản lượng cà phê lên gấp đôi trong vòng 5 năm, đến năm 2019 – 20 lên mức hoảng 1 triệu tấn, tương đương 16,7 triệu bao theo sáng kiến Growth Plan II.



Thị trường trong nước: Thị trường cà phê trong nước biến động tăng cùng xu hướng thị trường cà phê thế giới. So với cuối tuần trước, giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên tăng 1.100 đ/kg lên 43.700 – 44.200 đ/kg. Giá cà phê Robusta giá FOB giao tại cảng TP.HCM tăng 36 USD/tấn lên còn 1.968 USD/tấn.

Theo Reuters, Việt Nam đang đối diện với tình hình nguồn cung quá chặt chẽ và các nhà xuất khẩu buộc phải mua ngược lại hàng từ các kho của một số doanh nghiệp FDI khi đến thời hạn giao hàng mà không mua được hàng từ người dân. Sở dĩ có tình trạng này là do mức giá 43.000 - 44.000 đ/kg trên thị trường nội địa hiện nay vẫn chưa đủ hấp dẫn để nông dân bán hàng ra. Cũng theo ghi nhận, người trồng cà phê Tây Nguyên đã bán phần lớn lượng cà phê thu hoạch được từ đầu vụ khi giá toàn cầu lên mức cao nhất trong hơn 5 năm. Hiện lượng hàng nằm trong dân còn khoảng 15% và lượng hàng mà các doanh nghiệp đang nắm giữ trong tay và tồn trữ quanh các kho của khu vực TP.Hồ Chí Minh là khoảng 390.000 tấn.

Giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên
Nguồn: CIS



Số liệu của Robobank cho thấy, Việt Nam dự kiến sẽ sản xuất được 26,3 triệu bao cà phê trong vụ 2016/17, giảm từ mức 28,4 triệu bao xuất trong vụ trước. Theo nguồn tin ước tính, giới thương nhân quốc tế đang nắm giữ khoảng 6,5 triệu bao cà phê loại 60kg (tương đương 390.000 tấn) tính đến cuối tháng 5, trong tổng số 9 triệu bao trong nước. Họ đã bán khoảng 30.000 – 40.000 tấn cho các nhà xuất khẩu địa phương.

HNN

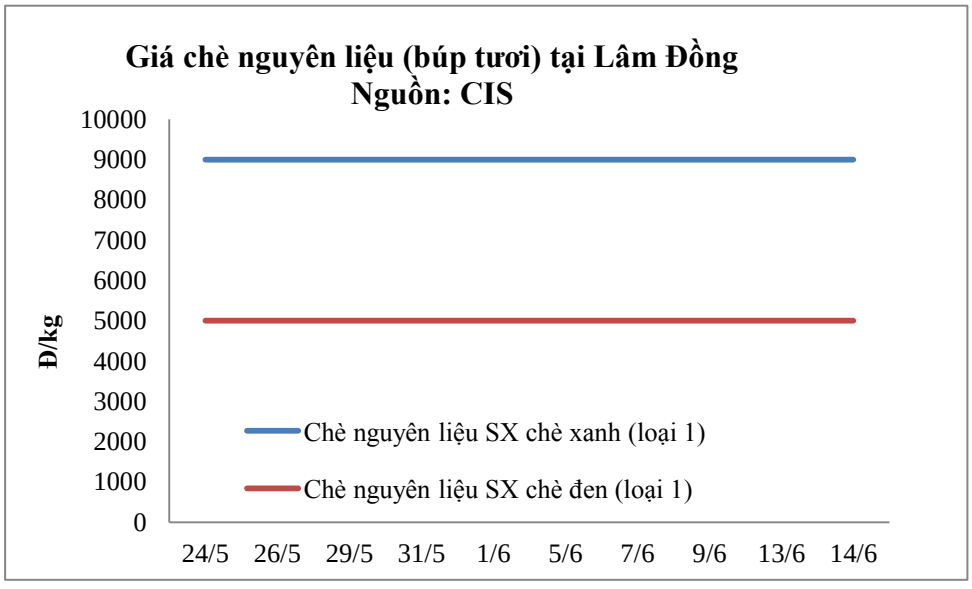


Thị trường thế giới: Khoảng 81% trong số 20.670 tấn chè chào bán tại phiên bán số 23 trong tuần này của Hiệp hội Thương mại Chè Coonoor, Ấn Độ đã được bán với mức giá trung bình 78,61 Rs/kg, mức thấp nhất kể từ ngày 27/11/2015 và giảm 1 Rs/kg so với tuần trước. Trong số các loại chè CTC từ các nhà cung cấp, Vigneshwar Speciality's Broken Orange Pekoe Fannings được bán đấu giá đứng đầu không chỉ các cuộc bán đấu giá chè lá mà toàn bộ thị trường CTC khi được mua với giá 261 Rs/kg, tiếp đến là Homedale Estate's Broken Pekoe được đấu giá ở mức 217 Rs/kg. Trong các phiên đấu giá chè bụi CTC, Homedale Estate's Pekoe Dust dẫn đầu với 225 Rs/kg. Ở thị trường chè orthodox, Kodanad đứng đầu với 262 Rs/kg, tiếp sau là Chamraj với 246 Rs/kg.

Chè sẽ bị áp thuế 5% do Ấn Độ vừa chốt mức thuế hàng hóa và dịch vụ (GST) bắt đầu từ ngày 1/7 tới. Tuần trước, Ấn Độ đã quyết định mức thuế này áp dụng cho hơn 500 dịch vụ và 1.200 danh mục hàng hóa sau 10 năm đàm phán. Mục tiêu của chính sách này là để đơn giản hóa cấu trúc thuế hiện tại và tăng thu thuế bằng USD, giảm trốn thanh toán thuế bằng tiền mặt dọc chuỗi giá trị.

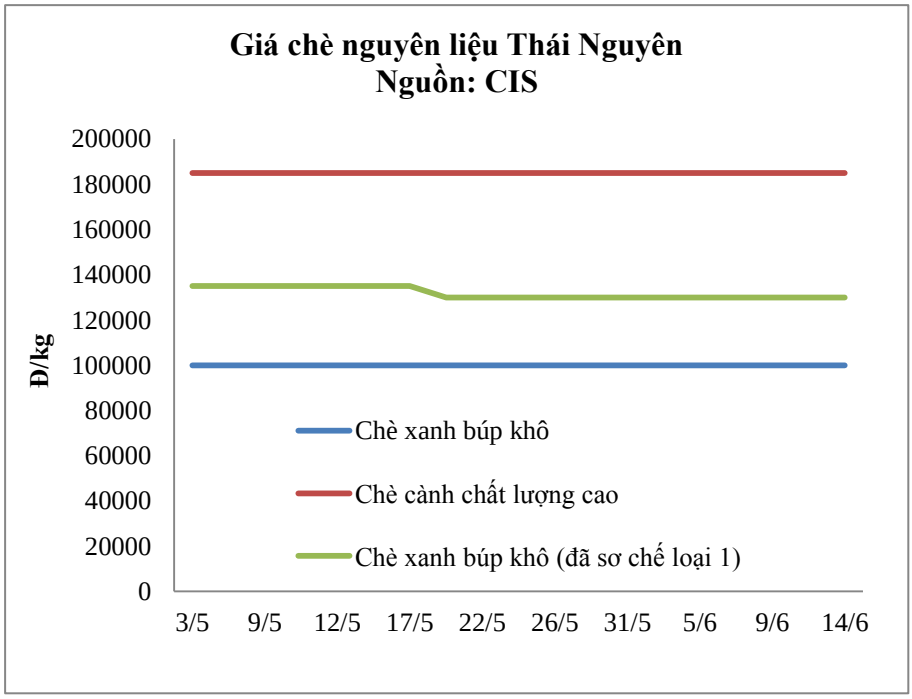
Khoảng 50% lượng chè bán tại Ấn Độ được giao dịch thông qua đấu giá, nơi người mua phải thanh toán 1% thuế GTGT (VAT). Chè giao dịch ngoài đấu giá bị áp thuế 5%. Chè được xếp vào ngành trồng trọt và lá chè xanh sẽ được miễn trừ khỏi quy định thuế mới này, giúp 200.000 người trồng chè quy mô nhỏ ở Assam thở phào nhẹ nhõm.

Thị trường trong nước: Tại Thái Nguyên, giá chè nguyên liệu tuần này không có sự biến động. Cụ thể, giá chè cành chất lượng cao giữ mức 185.000 đ/kg, chè xanh búp khô và chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1) lần lượt ở mức 130.000 đ/kg và 100.000 đ/kg.





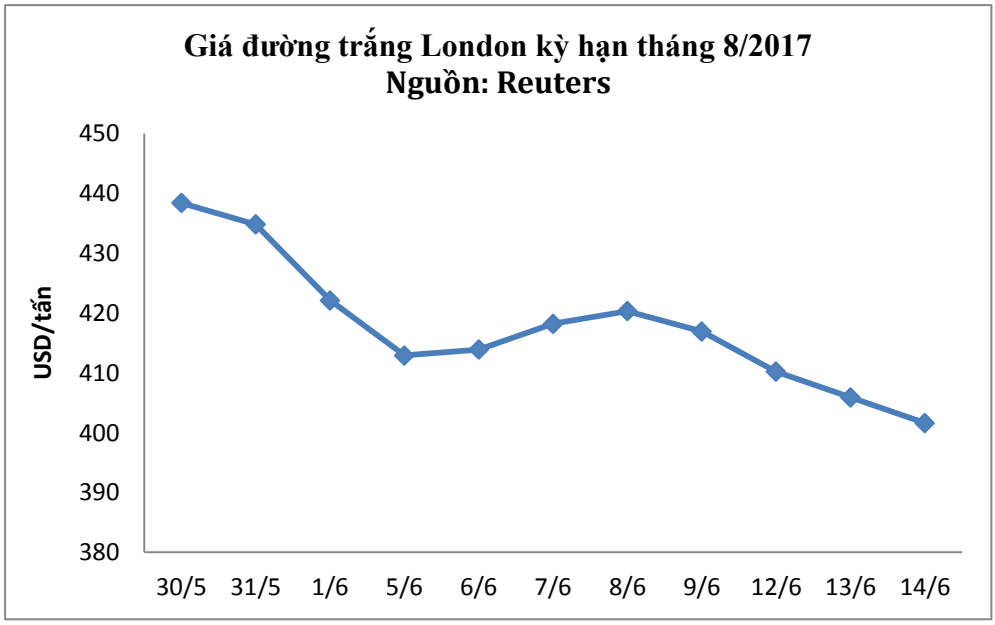
Tương tự, tại Bảo Lộc (Lâm Đồng), giá chè nguyên liệu tuần này cũng ổn định. Cụ thể, giá chè nguyên liệu (búp tươi) sản xuất chè xanh và chè đen (loại 1) ở mức 9.000 đ/kg và 5.000 đ/kg, tương ứng.



NVA



Thị trường thế giới: Thị trường đường thế giới biến động giảm trong tuần này bởi dự báo sản lượng của Brazil sẽ cao hơn dự tính. Hôm 14/6, giá đường thô giao tháng 7 trên sàn New York giảm 0,52 UScent so với tuần trước, tương đương 3,81% xuống 13,62 UScent/lb,



gần sát mức thấp nhất kể từ tháng 2/2016 là 13,36 USD. Giá đường trắng giao tháng 8 trên sàn London giảm 16,6 USD so với cách đây 1 tuần, tương đương 3,96% xuống 401,6 USD/tấn, trong phiên có lúc giá chỉ 395,60 USD, thấp nhất kể từ tháng 2/2016. Khu vực Trung Nam Brazil – khu vực sản xuất đường lớn nhất thế giới – đã sản xuất 1,75 triệu tấn đường trong nửa cuối tháng 5, cao hơn nhiều so với dự kiến mặc dù không nhiều so với cùng thời điểm này của những năm trước. Sucden Financial dự báo thị trường đường thế giới sẽ dư thừa 3,5 triệu tấn trong niên vụ 2017/18..

Mỹ và Mexico đã đi đến một thỏa thuận mới vào thứ ba (ngày 6/6) về việc cho phép đường Mexico tiếp cận vào thị trường Mỹ, nhưng nó không được ngành mía đường Mỹ ủng hộ. Các nhà sản xuất đường ở Mỹ như Công ty đường tinh luyện Mỹ có trụ sở tại Minnesota đã lên tiếng trong nhiều năm rằng Mexico đang vi phạm thỏa thuận thương mại tự do Bắc Mỹ bằng cách bán phá giá để trợ cấp ngành đường. Ngành đường Mỹ cho rằng nông dân trồng mía đường và củ cải đường được chi 4 tỷ USD trong vòng 4 năm qua.

Ngày 9/6, Ủy ban Kỹ thuật an ninh sinh học quốc gia Brazil (CTNBio) đã thông qua việc cho phép sử dụng các giống mía biến đổi gen thương mại hay còn được gọi mía BT, có khả năng kháng sâu bệnh và cỏ dại tốt hơn các giống cây thông thường.

Theo CTNBio, Bt là các giống mía biến đổi gen đầu tiên trên thế giới và quyết định nói trên sẽ mở ra cơ hội phát triển của ngành công nghiệp mía đường Brazil, chiếm tới một nửa kim ngạch xuất khẩu thế giới.



Theo Trung tâm Công nghệ Mía Đường Brazil (CTC), sẽ phải mất ít nhất 3 năm cho các lô đường đầu tiên được sản xuất từ mía biến đổi gen tiếp cận thị trường xuất khẩu do tốc độ nhân giống của giống mía mới.

CTC cũng khẳng định quá trình nghiên cứu và phát triển các giống mía Bt được CTNBio giám sát chặt chẽ, đồng thời nhấn mạnh mía biến đổi gen hoàn toàn đảm bảo các yêu cầu nghiêm ngặt về tác động môi trường, không ảnh hưởng tới sức khỏe con người, động vật.

Brazil xuất khẩu đường tới 150 quốc gia. Hiện CTC đã yêu cầu Mỹ và Canada cấp phép cho sản phẩm đường làm từ mía Bt của nước này và dự kiến sẽ gửi đề xuất này tới Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, Hàn Quốc và Indonesia. Brazil có khoảng 10 triệu ha canh tác mía và dự kiến diện tích trồng mía Bt sẽ chiếm 15% trong tương lai.

Mỹ và Brazil là hai quốc gia đi đầu trong việc nghiên cứu các giống mía Bt. Hiện Nam Phi, Australia và Trung Quốc cũng đầu tư đáng kể trong việc nghiên cứu các giống mía biến đổi gen, nhưng đến nay chưa có nước nào trong số các nước này công bố chính thức có giống mía Bt thương mại.

Thị trường trong nước: Do lượng đường tồn kho lớn đã kéo theo giá bán hiện nay giảm khoảng 1.000 đ/kg (kể cả tại công ty và các điểm bán lẻ) so với thời điểm đầu tháng 5. Theo thông tin về tình hình giá đường tại Công ty CP Mía đường Cần Thơ (Casuco) mới đây, hiện đường cát trắng loại 1 có giá 16.000 đ/kg; còn tại các điểm bán tạp hóa thì đường loại 1 dao động từ 19.000 - 20.000 đ/kg, đường loại 2 ở mức 18.000 đ/kg.

Việc tồn kho số lượng đường lớn, cộng với giá bán giảm và khó tiêu thụ khiến cho Casuco cũng như các nhà máy đường khác gặp nhiều khó khăn, nhất là sức ép tiêu thụ từ nay đến thời điểm bắt đầu vào niên vụ ép 2017-2018 (dự kiến cuối tháng 9). Nếu không giải quyết tốt thì các nhà máy đường tiếp tục gặp khó trong việc thu mua mía nguyên liệu. Bởi hiện nay, có không ít doanh nghiệp tại vùng ĐBSCL đã công bố giá sàn bảo hiểm và tiến hành ký kết hợp đồng bao tiêu mía với người dân, điển hình là Công ty CP Mía đường Cần Thơ (CASUCO) và Công ty TNHH Mía đường cồn Long Mỹ Phát vừa ký hợp đồng bao tiêu 80% diện tích trong số 7.504ha mía niên vụ 2017-2018 cho nông dân tại địa phương. Theo đó, giá sàn mà Công ty TNHH Mía đường cồn Long Mỹ Phát mua mía loại 10 chữ đường tại ruộng giá 900 đồng/kg, Công ty CASUCO mua giá 900 đ/kg (tại cầu cảng), cao hơn 70 đồng/kg so với niên vụ 2016-2017. Theo cam kết của hai công ty, đến cuối tháng 6 sẽ ký hợp đồng bao tiêu toàn bộ diện tích mía của huyện với giá mua theo giá thị trường. Nếu giá không thuận lợi, hai công ty sẽ mua theo giá sàn 900 đồng/kg, loại 10 chữ đường. Tương tự, tại thị xã Ngã Bảy, Nhà máy đường Phụng Hiệp (Công ty CASUCO) cũng đã bao tiêu 50.000 tấn mía nguyên liệu. Niên vụ mía 2017-2018 tại Hậu Giang dự kiến bắt đầu từ ngày 20-9.

NVA

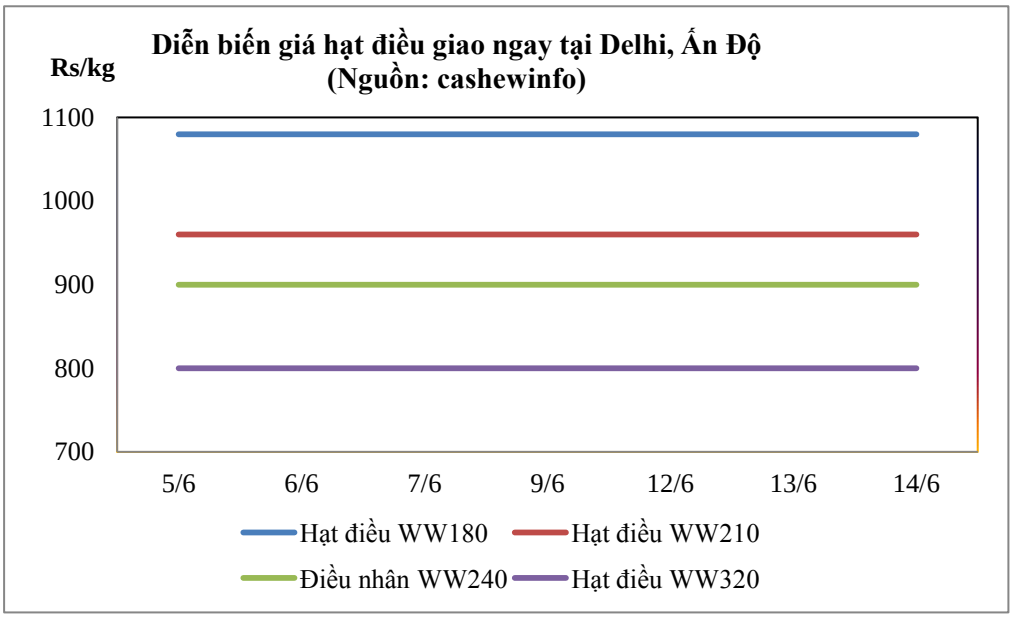
HẠT ĐIỀU



Thị trường thế giới: Tại Campuchia, Hiệp hội hạt điều tại tỉnh Kampong Thom cho biết: vào cuối vụ thu hoạch giá hạt điều có thể giảm nhẹ so với hồi tháng 3/2017. Trong tháng 5 vừa qua, giá hạt điều thô đã giảm từ 1,75 USD/kg hồi tháng 3/2017 xuống còn 1,5 USD/kg. Hạt điều thô chế biến đang bán với giá 15 – 17 USD/kg, với giá trên thị trường nội địa cao hơn giá xuất khẩu. Dù giá giảm nhưng giá hạt điều thô hiện vẫn ở mức chấp nhận được so với năm 2016.

Hiện Hiệp hội này chỉ xuất khẩu hạt điều sang thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản. Các thành viên của Hiệp hội (20 thành viên) có thể mua khoảng 15 tấn hạt điều trong năm 2017 để chế biến phục vụ nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Tuy nhiên, nhu cầu hạt điều nhân trên thi trường quốc tế rất cao (tại Hàn Quốc và Nhật Bản lên đến 100 tấn/năm) nhưng Hiệp hội này lại không đủ năng lực tài chính để thu mua hạt điều thô cho chế biến xuất khẩu.

Giá hạt điều giao ngay tại thị trường Delhi, Ấn Độ tuần này không đổi so với tuần trước. Cụ thể là, hạt điều nhân nguyên loại WW180, 210, 240, 320 hiện đang ổn định ở mức giá lần lượt là 1080 Rs/kg; 960 Rs/kg; 900 Rs/kg và 800 Rs/kg. Giá các chủng loại điều nhân vỡ 2 mảnh, 4 mảnh, 8 mảnh tiếp tục duy trì mức giá 720 Rs/kg; 707,5 Rs/kg và 605 Rs/kg.



Thị trường trong nước: Tại Đồng Nai, thời điểm này, nông dân huyện Long Thành đang khẩn trương thu hoạch hạt điều cuối vụ. Tuy nhiên, giá hạt điều tươi bán tại rẫy chỉ được 25.000 đ/kg, hạt điều khô là 49.000 đ/kg, giảm lần lượt là 20.000 đ/kg và 6.000 đ/kg so với đầu vụ.

Năm nay do mưa trái mùa kéo dài khiến cây điều trong thời kỳ ra bông sớm gặp mưa bị khô đen hoa, rụng quả non kết hợp nhiều loại sâu bệnh như: bọ xít muỗi đỏ, bệnh thán thư… khiến năng suất thiệt hại 30-70%.

HẠT ĐIỀU



Tuần trước, giá xuất khẩu nhân hạt điều sơ chế WW320 sang thị trường Hà Lan tăng 0,18 USD/lb (tương đương 0,4 USD/kg), đạt 5,15 USD/lb (tương đương 11,35 USD/kg). Hạt điều nhân rang RLP sang thị trường Singapo ổn định ở mức giá 7,4956 USD/kg của tuần trước đó.

Tham khảo giá xuất khẩu hạt điều tuần từ 02 – 08/06/2017

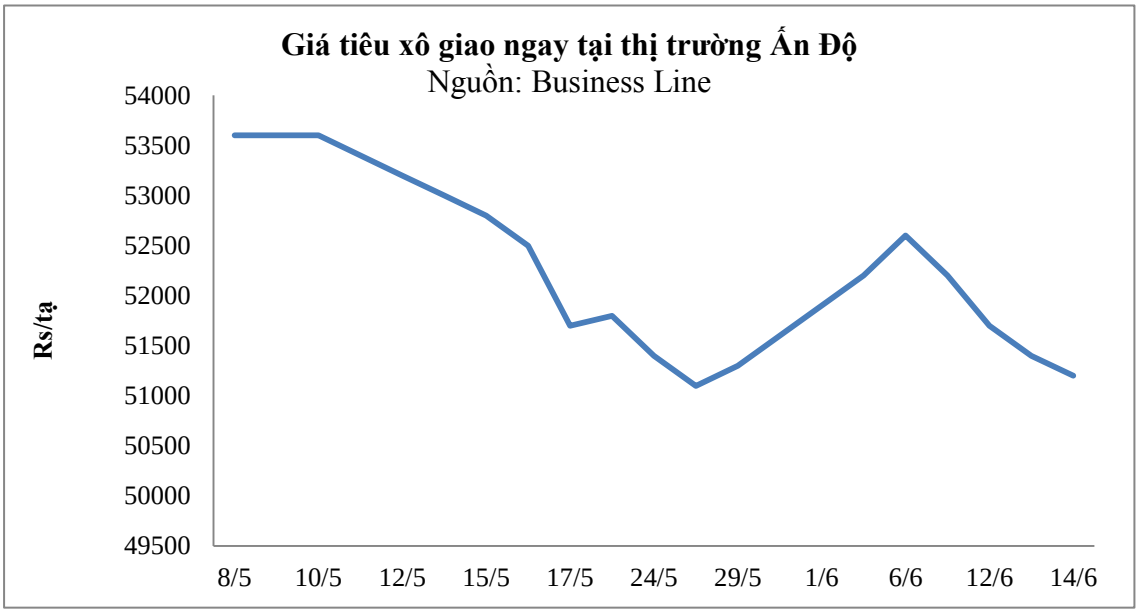
Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Thị trường
Nhân hạt điều sơ chế WW320	lbs	70000	5,15	Hà Lan
Nhân hạt điều WW210	kg	15876	12,7205	Mỹ
Nhân hạt điều chiên WS/LP	thùng	5283	79,8108	Mỹ
Nhân hạt điều chiên muối W240	kg	2000	12,14	Úc
Hạt điều nhân tiệt trùng PST-W320	kg	95256	9,7002	Singapore
Hạt điều nhân rang Việt Nam RLP	kg	19051	7,4956	Singapore
Hạt điều chiên không muối	kg	2832	14,0969	Trung Quốc
Hạt điều nhân WW320	kg	21546	10,72	Kazakhstan
Hạt điều chiên muối	bao	650	50	Đài Loan

(Theo Trung tâm thông tin Công nghiệp và Thương mại)

T.T.P.



Thị trường thế giới: Giá tiêu Ấn Độ tiếp tục giảm sâu vì chất lượng hàng kém và nhu cầu tiêu thụ suy yếu. Gần đây, một số vùng trồng tiêu lớn ở Ấn Độ gặp mưa lớn, gây khó khăn cho việc phơi khô hạt tiêu của nông dân. So với cuối tuần trước, giá tiêu giao ngay tại Ấn Độ giảm 1.000 Rs/tạ xuống còn 49.200 Rs/tạ (hàng chưa chọn lọc) và 51.200 Rs/tạ (hàng đã chọn lọc). Giá tiêu xuất khẩu Ấn Độ sang thị trường châu Âu và thị trường Mỹ giảm 175 USD/tấn xuống mức 8.200 USD/tấn và 8.450 USD/tấn.



Do giá cả hồ tiêu khá ổn định kể từ năm 2005, nông dân Campuchia đã khôi phục nghề trồng tiêu và gia tăng diện tích trồng kể từ 2008 để trở thành nhà sản xuất hồ tiêu xếp thứ 6 thế giới, chiếm khoảng 4% tổng sản lượng, và là quốc gia có khối lượng tiêu xuất khẩu xếp thứ 4 toàn cầu.

Với nhu cầu tiêu thụ nội địa ước chỉ khoảng hơn 1.000 tấn nên hầu hết sản lượng hồ tiêu Campuchia dành cho xuất khẩu. Theo ước tính, trên 75% sản lượng tiêu được bán sang Việt Nam, 20% bán cho Thái Lan và số còn lại bán trực tiếp cho các nước tiêu thụ khác.

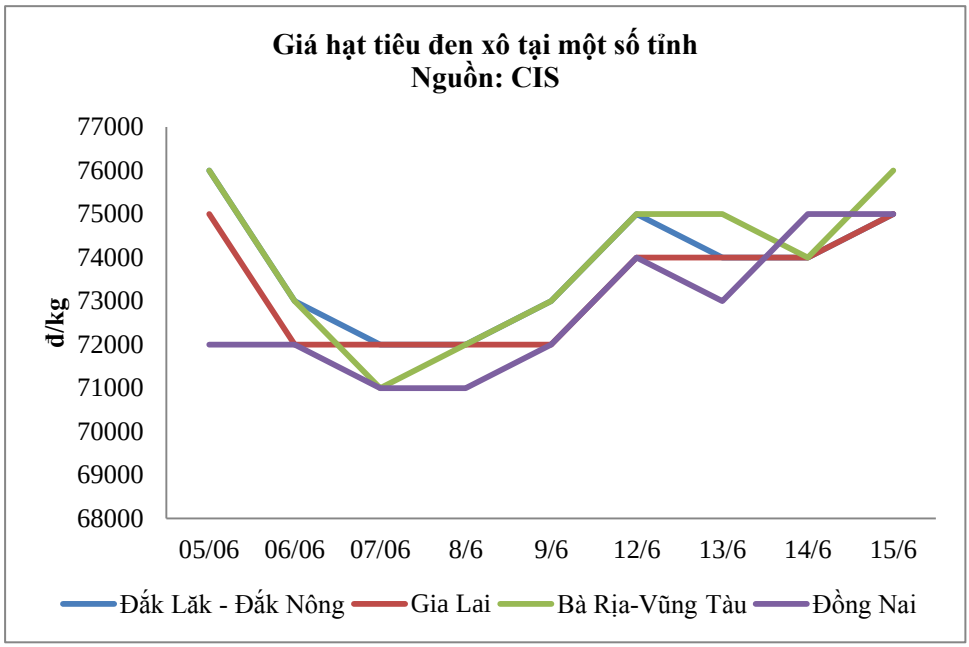
Nông dân Campuchia chăm sóc hồ tiêu theo hướng hữu cơ bền vững. Hầu hết không sử dụng các loại phân thuốc hóa học, tuy vẫn có thể thấy một số nhưng không đáng kể. Sản lượng bình quân tương đối cao ở 4,5 – 5 tấn/ha,, một số trang trại đạt trên 7 tấn/ha.

Tỉnh Tbong khmum, được tách ra từ phần phía đông của tỉnh Kampong Cham, giáp với tỉnh Tây Ninh Việt Nam, chiếm hơn 70% diện tích hồ tiêu Campuchia hiện nay.

Nông dân Campuchia nói chung không tồn trữ hồ tiêu mà bán hết trong khoảng 1 – 2 tháng sau thu hoạch. Do thu hoạch vụ mùa trùng với các vùng sản xuất tiêu trọng điểm ở Việt Nam nên mọi động thái bán ra dều ảnh hưởng giá cả hồ tiêu tại Việt Nam.



Thị trường trong nước: Thị trường hạt tiêu trong nước khởi sắc trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá tiêu tại Gia Lai, Bà Rịa – Vũng Tàu và Đồng Nai tăng 3.000 đ/kg lên lần lượt là 75.000 đ/kg, 76.000 đ/kg và 75.000 đ/kg. Giá tiêu tại Đắc Lắc tăng 2.000 đ/kg lên 75.000 đ/kg. Tuy nhiên, để giá tiêu có thể phục hồi tốt hơn và thực sự bền vững, các chuyên gia đều nhấn mạnh nông dân cần ngừng trồng mới cây tiêu và tập trung vào khâu chất lượng.



Trên thị trường xuất khẩu, sản phẩm hạt tiêu của Việt Nam vẫn có nhiều lợi thế. So với Ấn Độ, hạt tiêu của Việt Nam không những cạnh tranh tốt về sản lượng mà còn áp đảo về giá. Hiện, giá tiêu đen xuất khẩu của Việt Nam chỉ giao dịch trong khoảng 5.000 – 5.200 USD/tấn, trong khi giá tiêu đen xuất khẩu của Ấn Độ vẫn xung quanh ngưỡng 8.300 USD/tấn.

Mặc dù giữa Việt Nam và Ấn Độ đã tháo bỏ lệnh cấm nhập khẩu nông sản với nhau nhưng giá trị xuất khẩu các loại nông sản chính của Việt Nam như cà phê, hồ tiêu qua thị trường này lại giảm mạnh, trong khi các mặt hàng khác lại tăng. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong năm tháng đầu năm nay, giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang Ấn Độ ước đạt gần 1,4 tỉ USD, tăng gần 41% so với cùng kỳ. Điều đáng nói là trong số 28 mặt hàng xuất khẩu sang Ấn Độ trong 5 tháng đầu năm nay phần nhiều đều có giá trị xuất khẩu cao hơn cùng kỳ, nhưng xuất khẩu nông sản như cà phê, hồ tiêu lại giảm mạnh so với cùng kỳ. Giảm mạnh nhất là hồ tiêu khi giá trị xuất khẩu qua thị trường này chỉ đạt 31 triệu USD, giảm 38%; cà phê giảm gần 16% giá trị so với cùng kỳ khi chỉ thu về chưa đến 27,2 triệu USD trong 5 tháng đầu năm, trong khi cùng kỳ năm trước là hơn 32,2 triệu USD.

HNN

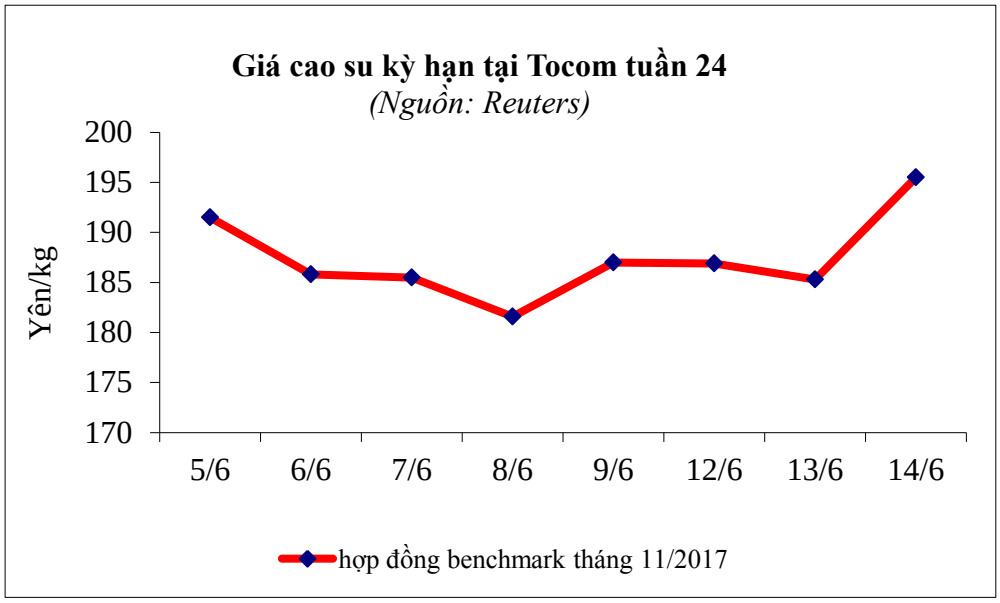
CAO SU



Thị trường thế giới: Sau khi giảm mạnh trong tuần trước, giá cao su giao kỳ hạn tại Sở Giao dịch hàng hóa Tokyo, Nhật Bản (TOCOM) đã bật tăng trở lại vào cuối tuần này do giá cổ phiếu tại Tokyo tăng sau khi chứng khoán phố Wall đạt mức cao kỷ lục. Kết thúc phiên giao dịch 14/6, hợp đồng benchmark tháng 11/2017 tăng lên mức 195,5 yên/kg, rời bỏ chuỗi giảm 2 phiên trước đó, thiết lập mức cao trong 2 tuần.

Thủ tướng Thái Lan cho biết, nội các nước này đã thông qua các biện pháp để hỗ trợ những người trồng trọt cao su và ổn định giá.

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) nâng lãi suất trong ngày 14/6, đây là lần nâng thứ 2 liên tiếp trong 3 tháng và cho biết sẽ giảm nắm giữ trái phiếu và các cổ phiếu khác trong năm nay. Điều này cho thấy, niềm tin nền kinh tế Mỹ tăng mạnh và thị trường việc làm gia tăng.



Theo Cục Thống kê Ma-lai-xia (DoS), sản xuất cao su thiên nhiên của Ma-lai-xia tháng 3/2017 giảm 7,4% so với tháng trước, xuống còn 79.966 tấn. Trong khi đó, xuất khẩu cao su của nước này tháng 3/2017 tăng 2,7% so với tháng 2/2017 lên mức 59.520 tấn. Trong đó, các thị trường xuất khẩu chính gồm Trung Quốc (chiếm thị phần 51,7%), Đức (14,4%), Iran (4,4%), Phần Lan (3,9%) và Thổ Nhĩ Kỳ (2,8%).

Tiêu thụ cao su thiên nhiên của Ma-lai-xia đã tăng 15% so với tháng 2/2017 lên 41.727 tấn. Ngành sản xuất găng tay cao su vẫn là ngành tiêu thụ chủ chốt trong nước với 70% thị phần tiêu thụ. Theo đó, Ma-lai-xia đã xuất khẩu hơn 4 tỷ RM găng tay cao su trong quý I/2017, tăng 26% so với quý I/2016.

Ma-lai-xia vẫn giữ vị trí dẫn đầu thế giới về xuất khẩu găng tay cao su trong 2 thập kỷ qua, chiếm hơn 60% thị phần trên thị trường toàn cầu. Trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016, xuất khẩu găng tay cao su tăng với tốc độ trung bình 6% mỗi năm.

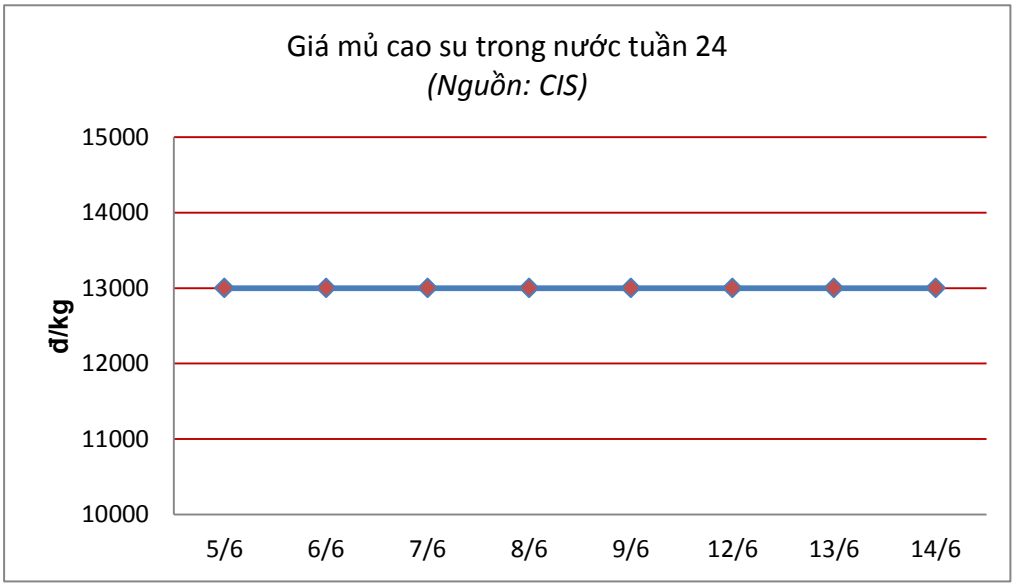


Tuy nhiên, lượng tồn kho cao su tại các kho dự trữ của Ma-lai-xia tại thời điểm cuối tháng 3/2017 đã tăng 4,1%, lên 256.692 tấn so với 246.498 tấn hồi tháng 2/2017.

Thị trường trong nước: Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, giá mủ cao su trong nước duy trì thế vững trong tuần thứ 7 liên tiếp. Tại Đồng Nai, giá thu mua mủ cao su tiếp tục giữ ở mức 13.000 đ/kg.

Nhu cầu về nguyên liệu cao su thiên nhiên trên thị trường Trung Quốc đang có xu hướng tăng, nhưng tốc độ tiêu thụ vẫn còn chậm. Do đó, xuất khẩu mặt hàng cao su thiên nhiên của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc vẫn giữ ở mức 19.000 tấn/tuần kể từ đầu tháng 6/2017. Các sản phẩm cao su chất lượng cao SVR 3L, SVR-L và SVR-L5 đang được tập trung cho xuất khẩu với sản lượng lớn để cạnh tranh với các sản phẩm tương đương của các nhà sản xuất khác như Thái Lan, Ma-lai-xia… Cao su tiểu điền đảm bảo tốt sản lượng nhu cầu của khách hàng Trung Quốc, mặt khác tăng thêm các sản phẩm SVR-CV50, SVR-CV60 chất lượng chỉ sau SVR 3L một cấp.

Giá xuất khẩu cao su thiên nhiên của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc giữ ở mức tuần trước, 17.900 NDT/tấn đối với sản phẩm chất lượng loại I, các loại khác đạt bình quân 16.800 NDT/tấn.



Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 4 tháng đầu năm 2017, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường Ma-lai-xia tiếp tục giảm mạnh 52,2% về lượng và 22,3% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 12,19 nghìn tấn, trị giá 22,56 triệu USD. Với sự sụt giảm trên, Ma-lai-xia đã không còn duy trì được vị trí số 2 về tiêu thụ cao su của Việt Nam đồng thời xuống vị trí thứ 3 về nhập khẩu cao su của nước ta.

Trong năm 2016, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường này cũng đã giảm mạnh 40,5% về lượng và 42,5% về trị giá so với năm 2015.



Trong giai đoạn này, cao su SVR 10 tiếp tục là mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Ma-lai-xia, với khối lượng đạt 7,2 nghìn tấn, trị giá 12,87 triệu USD, tuy nhiên so với cùng kỳ năm ngoái xuất khẩu mặt hàng này đã giảm mạnh 67,1% về lượng và 48,4% về trị giá. Xét về tỷ trọng, cao su SVR 10 chiếm tới 59,2% tổng khối lượng cao su xuất khẩu của Việt Nam sang Ma-lai-xia.

Nhìn chung, giá xuất khẩu các mặt hàng cao su sang thị trường Ma-lai-xia đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, cao su SVR 10 tăng 56,9%, đạt bình quân 1.785 USD/tấn; cao su hỗn hợp tăng 68,9%; SVR 3L tăng 81,6%...

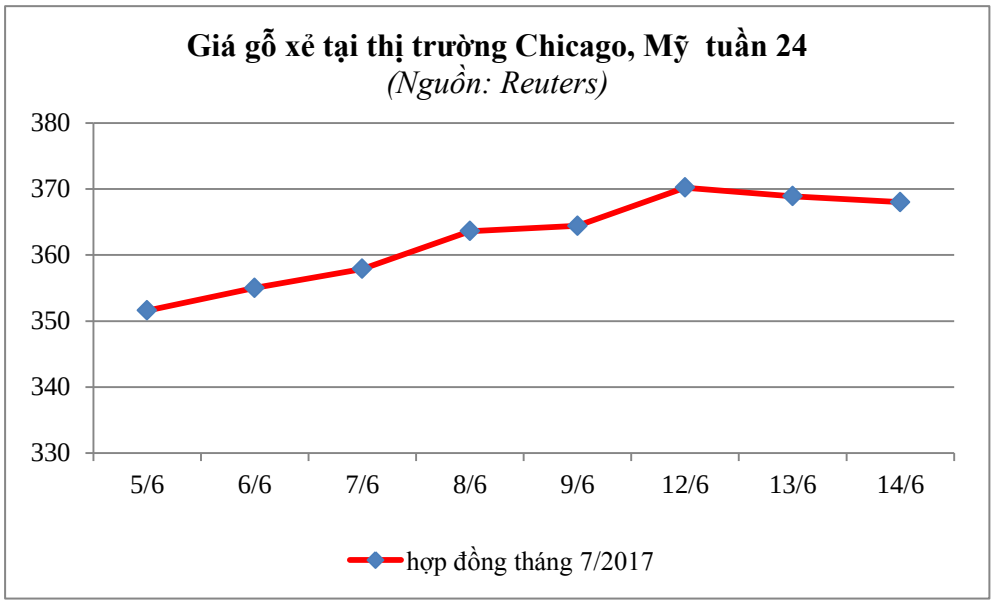
Nguyên nhân xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Ma-lai-xia giảm trong thời gian qua là do ngành sản xuất găng tay cao su của Ma-lai-xia được Chính phủ nước này khuyến khích sử dụng cao su tại thị trường nội địa, thay vì nhập khẩu cao su. Bên cạnh đó, mặc dù nhu cầu tiêu thụ cao su của Ma-lai-xia có xu hướng tăng nhưng do sản lượng cao su của Ma-lai-xia tăng nên hàng tồn kho còn khá nhiều, gây ảnh hưởng đến xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường này.

Dự báo với những khó khăn hiện tại, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Ma-lai-xia trong thời gian tới được dự báo sẽ tiếp tục giảm so với năm 2016.

N.L.A



Thị trường thế giới: Thị trường gỗ xẻ giao kỳ hạn tại Sở Giao dịch hàng hóa Chicago (Mỹ) tuần qua diễn biến tăng so với tuần trước. Trong đó, hợp đồng kỳ hạn tháng 7/2017 đạt mức 368 USD/tbf lúc đóng cửa phiên 14/6, giảm 0,9 USD so với phiên trước (13/6), song tăng 3,6 USD so với phiên cuối tuần trước (9/6) ở mức 364,4 USD/tbf.



Ủy ban châu Âu (EC) vừa ra quyết định không nhập khẩu các sản phẩm từ gỗ dán okoume của Trung Quốc, để đánh giá lại toàn bộ các vấn đề kĩ thuật liên quan. Ở đây, EC không có đủ cơ sở dữ liệu để đánh giá các sản phẩm gỗ dán okoume nhập khẩu được chế biến hoàn toàn từ gỗ dán okoume hay có sử dụng gỗ dán combi. mặt khác, EC cũng cho rằng, dựa trên các dữ liệu hiện tại, sản lượng gỗ dán okoume của Trung Quốc có vẻ như lớn hơn so với các nước châu Âu. EC cũng lưu ý rằng, gỗ dán Trung Quốc được sản xuất bởi những công ty giống nhau, có cùng trang biết như nhau, và các loại gỗ nguyên liệu được sử dụng cũng như gỗ dán okoume có xu hướng mang lại nhiều lợi nhuận hơn so với các loại gỗ dán khác. mặt khác các nhà sản xuất có xu hướng chuyển sang sử dụng các loại gỗ dán khác để chế biến nhằm thu lợi nhiều hơn so với gỗ dán okoume. Ủy ban châu Âu cũng áp dụng các biện pháp chống bán giá các sản phẩm gỗ dán của Trung Quốc được chế biến ở hàn Quốc, morocco và Thổ Nhĩ Kỳ, trong khi mỹ cũng có những biện pháp tương tự đối với các sản phẩm gỗ của Trung Quốc. Theo các số liệu của Hiệp hội Gỗ dán châu Âu, gỗ dán Trung Quốc nhập khẩu vào châu Âu kể từ năm 2014 thường dao động từ 290.000 m3 đến 2,9 triệu m3.



Thị trường trong nước: Theo thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong tuần từ ngày 30/5 – 5/6/2017 đạt 176,4 triệu USD, tăng 13,9% so với tuần trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 93 triệu USD, giảm 6,2% so với tuần trước. Mặt hàng đồ gỗ nội thất xuất khẩu chủ yếu sang 5 thị trường chính trong tuần như: Mỹ đạt kim ngạch 40,8 triệu USD, giảm 2%; Đài Loan đạt 9,7 triệu USD, giảm 5,6%; Nhật Bản đạt 5,7 triệu USD, giảm 13,9%; đáng chú ý kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ sang Hồng Kông đạt 5,5 triệu USD, tăng 3,6%; Trung Quốc đạt 4,5 triệu USD, giảm 3,3% so với tuần trước.

Giá trị nhập khẩu gỗ nguyên liệu về Việt Nam trong tuần từ ngày 30/5 – 6/6/2017 đạt 44,9 triệu USD, tăng tăng 18,8% so với kỳ trước. Trong kỳ này, Áo là thị trường cung cấp các loại gỗ nguyên liệu lớn nhất vào nước ta, với giá trị đạt 6,36 triệu USD, tăng 582% so với kỳ trước. Nhập khẩu từ Campuchia tăng 81,3%; Mỹ tăng 21,5%; Trung Quốc tăng 51,6%; Đài Loan tăng 24,5%… so với kỳ trước. Trái lại, nhập khẩu gỗ từ Hồng Kông giảm 46,2% so với kỳ trước.

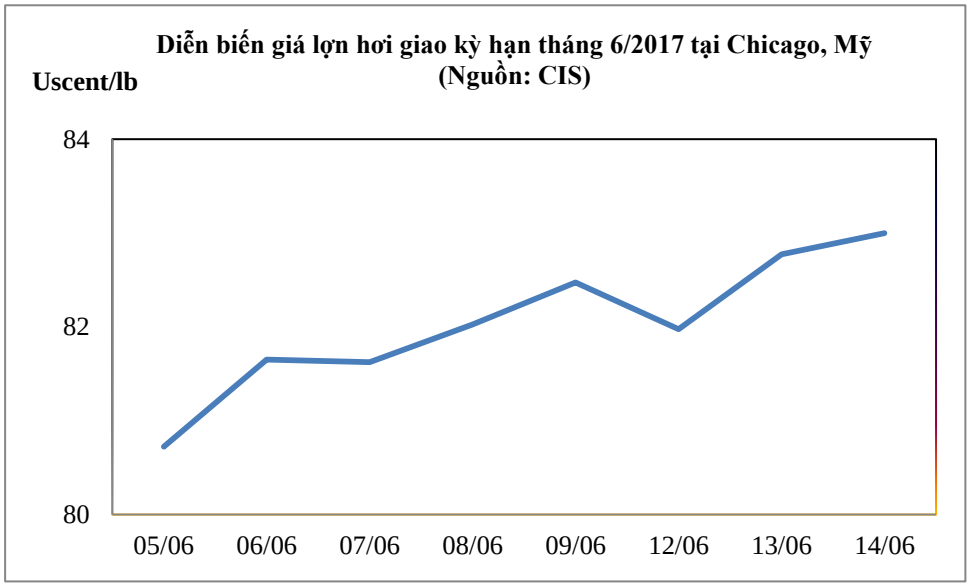
NLA

THỊT



Thị trường thế giới: Theo báo cáo quý mới nhất của Rabobank, ngành chăn nuôi gia cầm toàn cầu hiện đang hoạt động tốt và sinh lời ở phần lớn các khu vực, bất chấp ảnh hưởng tiêu cực của dịch cúm gia cầm, đặc biệt là tại châu Á. Hoạt động sản xuất – kinh doanh của ngành gia cầm ở mức tốt nhờ nhu cầu mạnh, nguồn cung giảm và chi phí thức ăn chăn nuôi duy trì thấp. Tuy nhiên, Trung Quốc là một ngoại lệ bởi dịch cúm gia cầm đã có ảnh hưởng tiêu cực tới con người khiến giá giảm. Các nhà chức trách địa phương tại Trung Quốc đã yêu cầu đóng cửa các chợ gia cầm sống và động thái này đã tác động lớn tới thị trường gà lông màu. Trong khi đó, thương mại gia cầm toàn cầu đạt mức cao kỷ lục, nhưng dòng chảy thương mại đang thay đổi. Mỹ và Thái Lan đang hưởng lợi từ biến động thương mại này, do các lệnh hạn chế liên quan tới cúm gia cầm và ảnh hưởng của vụ bê bối thịt tại Braxin.

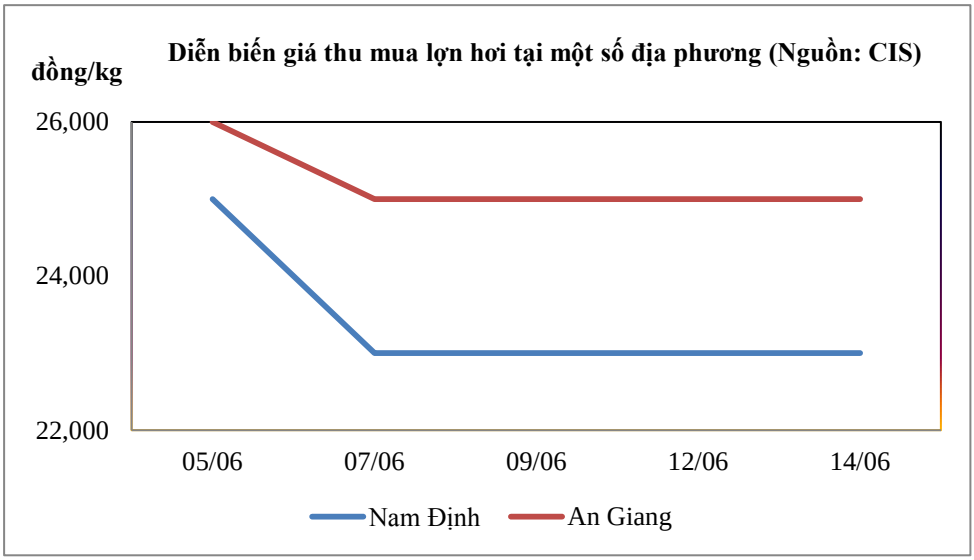
Tại thị trường Chicago, Mỹ, giá lợn hơi giao kỳ hạn tháng 6/2017 tuần này tăng nhẹ so với tuần trước do nguồn cung hạn chế, giá bán buôn lợn hơi và thịt sống tăng. Chốt phiên giao dịch ngày 14/6, giá lợn hơi đạt 83 Uscent/lb, tăng 2,275 Uscent/lb so với mức giá đạt được vào cuối phiên giao dịch hồi đầu tuần trước. Nguồn cung giảm theo mùa có thể sẽ còn bị thắt chặt thêm nữa khi nhiệt độ mùa hè nóng nực tại khu vực trung tây nước Mỹ khiến lợn tăng trọng chậm.



Tại Philipin, dữ liệu từ Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực của Liên hợp quốc (FAO) cho thấy kim ngạch nhập khẩu thịt năm 2017 của Philipin được dự báo tăng 6,97% lên 552.000 tấn, so với 516.000 tấn trong năm 2016. Trong khi đó, FAO dự báo sản xuất thịt của Philipin tăng 3,4% lên 3,612 triệu tấn trong năm 2017 (năm 2016 là 3,493 triệu tấn). Sản xuất thịt lợn nội địa Philipin được dự báo đạt 1,95 triệu tấn năm 2017, tăng 4,5% so với năm 2016 và chiếm khoảng 53,98% tổng sản lượng thịt.



Thị trường trong nước: Nguồn cung dồi dào, sức tiêu thụ chậm khiến giá lợn hơi tại nhiều địa phương vẫn đang tiếp tục giảm. Tại Trà Vinh, một tuần nay, giá lợn hơi đã giảm 1.000 đ/kg, hiện chỉ còn 22.000 đ/kg. Không chỉ giá thấp, người nuôi lợn còn gặp khó về đầu ra do thương lái không mua vì cung vượt cầu. Tại An Giang, Nam Định, giá đã giảm 1.000 đ/kg và 2.000 đ/kg so với tuần trước, xuống mức 25.000 đ/kg và 23.000 đ/kg.



Giá thịt lợn giảm mạnh cũng gây ảnh hưởng đến sức tiêu thụ thịt và trứng gia cầm. Cụ thể là, tại Bà Rịa – Vũng Tàu, giá thu mua vịt thịt đã giảm 7.000 – 8.000 đ/kg so với tháng trước, xuống mức 32.000 đ/kg (với giá bán 35.000 đ/kg thì người chăn nuôi mới có lãi). Tại Trà Vinh, từ tháng 2 đến nay, giá gà liên tục giảm và hiện ở mức 50.000 - 55.000 đ/kg, người nuôi bị lỗ từ 10.000 - 15.000 đ/kg. Tại Đồng Nai, giá gà loại thải cũng giảm từ 33.000 đ/kg, xuống còn 28.000 – 25.000 đ/kg.

Không chỉ có giá thịt gà, vịt giảm mạnh mà hiện nay giá trứng gà, vịt tại các trang trại, hộ chăn nuôi cũng đang giảm sâu. Tại Bà Rịa – Vũng Tàu, giá trứng gà xuất bán tại trang trại chỉ còn 900-1.300 đ/quả (tùy loại), giảm khoảng 1.000 đ/quả so với cùng kỳ 2016. Trứng vịt xuất chuồng chỉ còn từ 1.700 - 2.000 đ/quả, giảm 300 - 500 đ/quả so với thời điểm đầu năm 2017. Tại Đồng Nai, hiện giá trứng gà công nghiệp tại các trại chăn nuôi nhỏ lẻ bán ra vẫn ở mức 700 - 800 đ/quả, giảm khoảng 200 – 300 đ/quả so với hồi đầu tháng. Nếu mức giá này vẫn kéo dài, người nuôi gà khó tồn tại vì càng nuôi càng lỗ.

Tình trạng lợn, gà tồn hàng, giá thấp đã kéo giá trứng giảm. Sức tiêu thụ trứng cũng giảm hẳn do người tiêu dùng chuyển qua sử dụng thịt lợn nhiều vì giá quá rẻ. Theo đó, lượng trứng tồn ngày càng tăng, trứng càng để lâu giá càng thấp.

Giá thịt và trứng gà có giảm nhưng thị trường vẫn tiêu thụ tốt. Để cân đối lại cán cân cung - cầu, nhiều trại gà đã thực hiện ngay việc giảm đàn. So với lợn, vòng đời của gà thịt và gà đẻ trứng đều ngắn hơn, khi thị trường xuất hiện tình trạng thừa thì dễ dàng giảm đàn để cân đối cung - cầu

T.T.P.



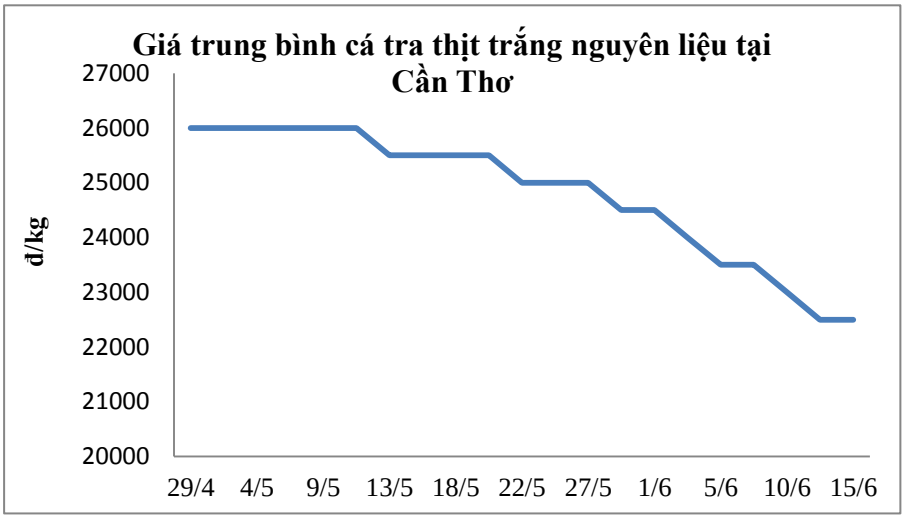
Thị trường thế giới: Theo nguồn tin *Undercurrent News*, giá cá ngừ vây dài (albacore) dự kiến tiếp tục tăng sau khi mùa khai thác mới tại khu vực bờ biển Bắc Mỹ bắt đầu vào tháng tới, do nhu cầu cao và lượng tồn kho thấp.Giá cá ngừ vây dài Nam Thái Bình Dương trong thời gian từ Noen đến tháng 4, khi mùa khai thác tại bờ Tây kết thúc, ở mức 6.000 USD/tấn, cao hơn 1.000 USD/tấn so với năm trước. Các chuyên gia dự kiến giá mùa tới sẽ bắt đầu ở mức khoảng 4.700 USD/tấn và dự kiến giá sẽ tăng đáng kể trong mùa khai thác này. Trong tháng 10/2016, giá cá ngừ vây dài đông lạnh đã ở mức cao, trong bối cảnh nguồn cung thiếu hụt. Tại thời điểm đó, giá đã tăng từ 70 – 100% so với cùng kỳ năm trước và giữ ở mức khoảng 5.600 USD/tấn. Các nguồn cung cho biết một thời gian không có hàng cá ngừ vây dài tồn kho tại Mỹ, điều này đã đẩy giá lên cao. Người mua trong nước buộc phải nhập khẩu từ các nước khác cho tới khi mùa khai thác mới bắt đầu vào giữa tháng 6. Giá cá ngừ vây dài đông lạnh Nam Thái Bình Dương mùa trước cao hơn 200 USD/tấn so với cá ngừ vây dài Bắc Thái Bình Dương. Các doanh nghiệp cho biết lượng cá ngừ albacore tồn kho nói chung đã thấp hơn trong vài năm qua. Giá cá ngừ đang bị đẩy lên cao do nhu cầu tiêu thụ cá ngừ phẩm cấp sashimi tại Mỹ, nơi các món ăn như sushi và salad sống (poke) ngày càng phổ biến, tăng.

Theo nguồn tin *Undercurrent News*, khai thác cá trích ở Biển Bắc của Na Uy và Đan Mạch đã bắt đầu nhanh chóng, mặc dù cá đánh bắt có kích cỡ nhỏ hơn bình thường trong khoảng thời gian này trong năm. Những người mua chính, bao gồm cả ngành chế biến đồ hộp và các nhà bán lẻ mua từ họ, đang chờ đợi cá cỡ lớn hơn khi giá giảm. Tính đến ngày 12/6, 51.382 tấn cá đã được đánh bắt, trong tổng số hạn ngạch 156.954 tấn cho các tàu của Na Uy. Kích thước trung bình cho đến nay là nhỏ, trung bình 167g trong tuần 22, mặc dù tăng ở tuần 23, đạt 150-175g ở các vùng đánh cá phía nam, và 175-200g ở phía Bắc. Phần lớn sản lượng đánh bắt được chế biến thành phile, mặc dù cho đến năm 2017 hầu hết sản lượng đánh bắt quá nhỏ để lấy được giá tốt nhất tại thị trường này; Thay vào đó, các nhà sản xuất cá trích "matjes" (cá tươi nguyên con tẩm ướp gia vị) là những người mua chính trong những ngày đầu của mùa đánh bắt. Matjes là một sản phẩm thích hợp, có giá tốt hơn vì cá cần phải có một chất lượng nhất định. Thị trường vẫn đang chờ đợi cá trích lớn hơn do có nhu cầu lớn nhất, và cá được trả giá cao hơn. Cho đến thời điểm này, nhu cầu matjes đã đến từ Hà Lan và Ukraine, trong khi một thị trường đóng hộp lớn là Đức vẫn trầm lắng. Một báo cáo gần đây của nhà phân tích Finn-Arne Egeness của ngân hàng Nordea lưu ý rằng giá cá trích được dự kiến giữ ở mức thấp trong năm 2017 với thông tin về hạn ngạch cá trích Na Uy tăng gần gấp đôi, đạt khoảng 580.000 tấn trong năm nay. Hạn ngạch đánh bắt của Ai-xơ-len cũng tăng. Giá trung bình cho ngư dân đánh bắt cá trích ở Biển Bắc giảm từ 5,50 NOK/kg vào cuối tháng 5/2016 xuống 4.03 NOK/kg cùng thời điểm năm 2017. Gần đây nhất – cập nhật hôm 13/6 - giá đã tăng thêm một chút lên 4,11 NOK/kg, đối với sản lượng bán đấu giá trong bảy ngày trước đó.



Hơn hai tuần sau thỏa thuận gần đây nhất giữa Trung Quốc và Na Uy về thương mại cá hồi được ký kết ở Bắc Kinh, các nhà nhập khẩu Trung Quốc vẫn đang chờ đợi đèn xanh cho nhập khẩu cá hồi Đại Tây Dương tươi trực tiếp từ Na Uy. Xuất khẩu của Na Uy phần lớn bị ngưng kể từ giải thưởng Nobel Hòa bình năm 2010 cho nhà bất đồng chính kiến Trung Quốc Liu Xiaobo. Các nhà nhập khẩu cho rằng có thể vẫn phải mất ba tháng để thương mại phục hồi và thận trọng với những hứa hẹn về khôi phục thương mại trước đây nhưng không trở thành hiện thực. Tháng 12 năm ngoái, lãnh đạo hai nước tuyên bố quan hệ ngoại giao đã " bình thường hoá ". Ba tháng sau, cá hồi Na Uy vẫn bị cấm nhập cảnh bởi hải quan Trung Quốc. Tuy nhiên, nếu tất cả mọi thứ được thực hiện theo kế hoạch thì xuất khẩu cá hồi của Na Uy sẽ tăng nhanh. Ngân hàng DNB của Na Uy ước tính khoảng 10.000 tấn cá hồi sẽ được xuất khẩu sang Trung Quốc trong năm nay. Trong khi đó, một nhà nhập khẩu Trung Quốc cho rằng dòng sản phẩm này sẽ "chắc chắn ảnh hưởng đến giá cả", sau hơn sáu năm quan hệ thương mại Trung Quốc-Na Uy khó khăn.

Thị trường trong nước: Giá cá nguyên liệu tại ĐBSCL đang hình thành mặt bằng giá mới theo chiều hướng giảm quanh mức thiết lập từ cuối tuần trước. Tại Vĩnh Long, An Giang, Cần Thơ, giá cá tra thịt trắng nguyên liệu dao động 21.500 - 23.000 đ/kg, giảm 1.000 đ/kg so với tuần trước. Giá cá tra giống tuần này không thay đổi so với tuần trước. Tại Cần Thơ, cá tra giống cỡ 1,5 cm chiều cao thân : 24.000 – 25.000 đồng/kg; cá tra giống cỡ 2 cm chiều cao thân : 19.000 – 20.000 đồng/kg.



Giá tôm nguyên liệu tuần này có sự biến động không đồng nhất ở một số loại, đặc biệt tăng mạnh đối với tôm sú sống (chạy oxy). Tại Tp. Bạc Liêu, giá tôm sú ướp đá cỡ 30 và 40 con/kg giữ ổn định lần lượt mức 200.000 đ/kg và 160.000 đ/kg; trong khi giá tôm sú oxy cỡ 30 con/kg tăng 30.000 kg lên mức 300.000 đ/kg, cỡ 40 con/kg tăng từ 220.000 đ/kg tuần trước lên 240.000 đ/kg; Giá tôm thẻ ướp đá cỡ 50 và 60 con/kg không biến động, giữ lần lượt ở mức 120.000 đ/kg và 115.000 đ/kg, cỡ 100 con/kg tăng 5.000 đ/kg lên 95.000 đ/kg. Tại Sóc Trăng, giá tôm thẻ cỡ 50 con/kg giảm 2.000 đ/kg xuống 134.000đ/kg, cỡ 60 con/kg giảm 1.000 đ/kg xuống 124.000 đ/kg tương ứng; cỡ 100 và 90 con/kg tuần này ổn định ở mức 102.000 và 108.000 đ/kg sau khi giảm khá mạnh vào tuần trước.

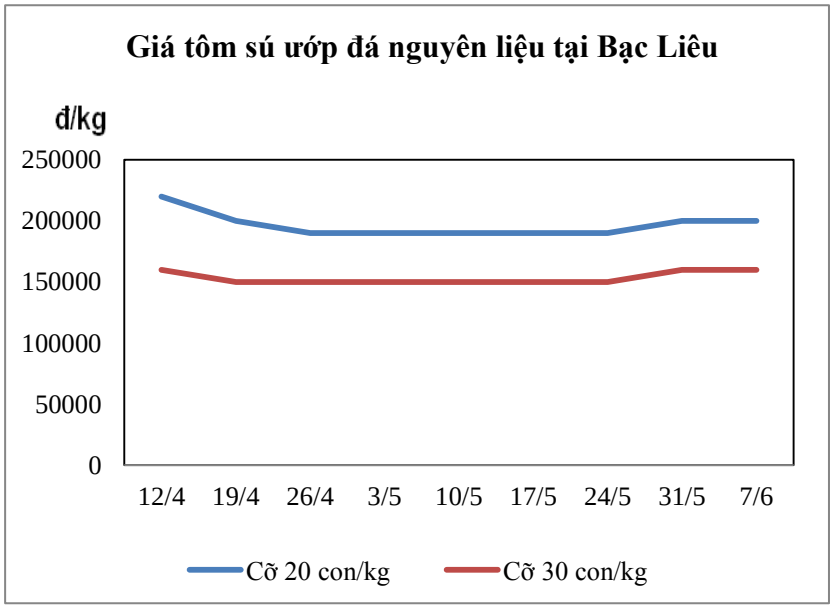


Những ngày qua, giá các mặt hàng thủy hải sản ở tỉnh Bạc Liêu tăng mạnh, nhiều loại tăng hơn 20.000 đồng/kg, nên người làm nghề khai thác, nuôi trồng thủy sản trong tỉnh rất phấn khởi.

Theo người nuôi thủy sản, nguyên nhân của việc tăng giá là do nhiều diện tích nuôi trồng thủy sản vào cuối vụ, trong khi đó diện tích nuôi mới chưa đến ngày thu hoạch.

Ngoài ra, do ảnh hưởng của thiên tai, thời tiết bất lợi, nên số lượng tàu thuyền ra khơi khai thác, đánh bắt chưa nhiều. Cùng với đó, việc tăng giá nhiên liệu, vật tư, ngư cụ, chi phí sản xuất tăng cũng đẩy giá sản phẩm tăng.

Theo nhận định của ngành chức năng, Bạc Liêu đang đang vào đầu mùa mưa, đây là điều kiện thuận lợi để bà con mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản. Mặt khác, các hộ nuôi tôm công nghiệp xuống giống sớm cũng đang chuẩn bị thu hoạch tôm. Vì vậy, nhiều khả năng giá các mặt hàng thủy hải sản sẽ "giảm nhiệt" trong thời gian tới.



NVA



Thị trường trong nước: Hiện đang là đầu vụ vải thiều, một số hộ dân huyện Thanh Hà, Hải Dương đã thu hoạch vải thiều để bán lẻ với giá từ 30.000 - 35.000 đ/kg, tăng gần gấp đôi so với năm ngoái. Mặc dù giá bán vải thiều đầu vụ cao do sản lượng vải năm nay giảm 500 tấn so với năm ngoái. Do thực hiện đúng quy trình chăm sóc theo tiêu chuẩn VietGAP nên mẫu mã vải thiều năm nay đẹp hơn năm trước. Khoảng 1 tuần nữa, nông dân sẽ bước vào thu hoạch vải thiều rộ và dự báo giá vải sẽ cao hơn so với năm ngoái.

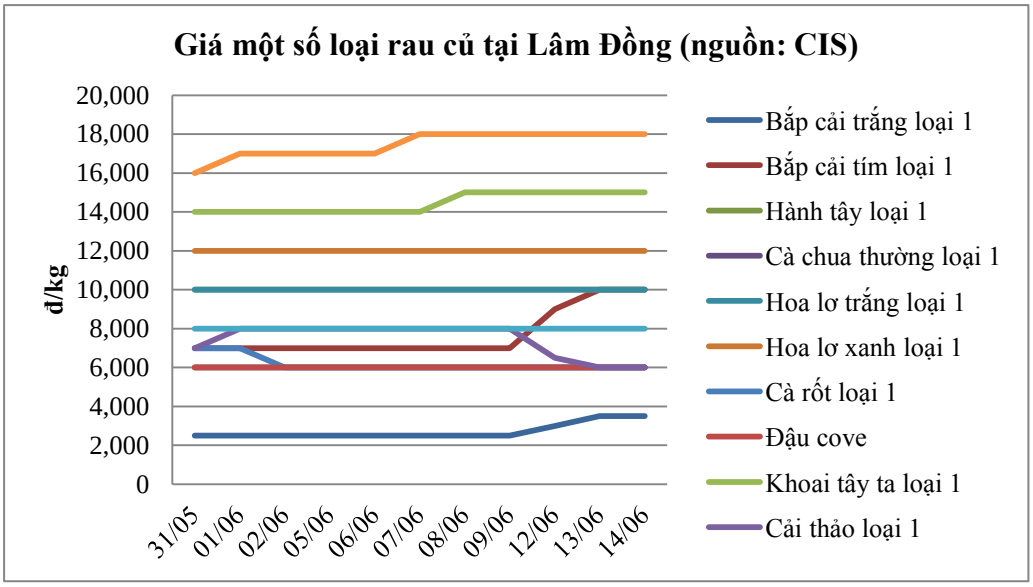
Trong khi giá nhiều loại trái cây ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn giữ ở mức khá cao thì giá xoài cát Hòa Lộc, hiện đang bước vào vụ thu hoạch rộ nhưng tiêu thụ khó khăn. Nhiều nông dân trồng xoài tại Cần Thơ đang lâm vào cảnh khốn đốn do không có thương lái thu mua. Trước đây khoảng nửa tháng, giá xoài cát được thu mua tại vườn với giá từ 30.000 - 40.000 đ/kg thì hiện nay giá chỉ còn 12.000 đ/kg nhưng không phải ai cũng bán được vì có rất ít thương lái thu mua.

Tại tỉnh Tiền Giang, Đồng Tháp, giá dứa hiện đang tăng mạnh, hứa hẹn mang lại nguồn lợi kinh tế khá cho nông dân vùng đất mới. Theo ông Sáng, giá dứa thương lái đến tận ruộng mua từ 7.000 - 7.500 đ/kg. Tùy theo chất lượng và địa bàn gần hoặc xa, giá dưa tăng hơn 3.000 đ/kg so với tháng trước.

Khoảng nửa tháng trở lại đây, trái nho tươi ở Ninh Thuận rất khan hiếm. Theo giới thương lái, hiện khó mua được nho để đóng đủ hàng cho các tỉnh, Theo những nông dân chuyên canh nho ở Ninh Thuận, do thời tiết đầu năm thất thường, nắng nóng gay gắt có thể làm giảm sản lượng nên họ chưa dám cắt cành tạo quả. Hiện giá nho loại 1 tại giàn 35.000 - 38.000 đ/kg; nho loại 2 dao động 23.000 - 26.000 đ/kg.

Tuần qua thị trường rau củ nhìn chung có dấu hiệu ổn định và tăng ở một số loại. Cụ thể, mặt hàng có giá tăng phải kể đến hoa lơ, đậu cove, hành tây với mức tăng 1000- 2000đ/kg, nhưng mặt hàng khác như cà chua, bắp cải, củ dền không đổi so với tuần trước.



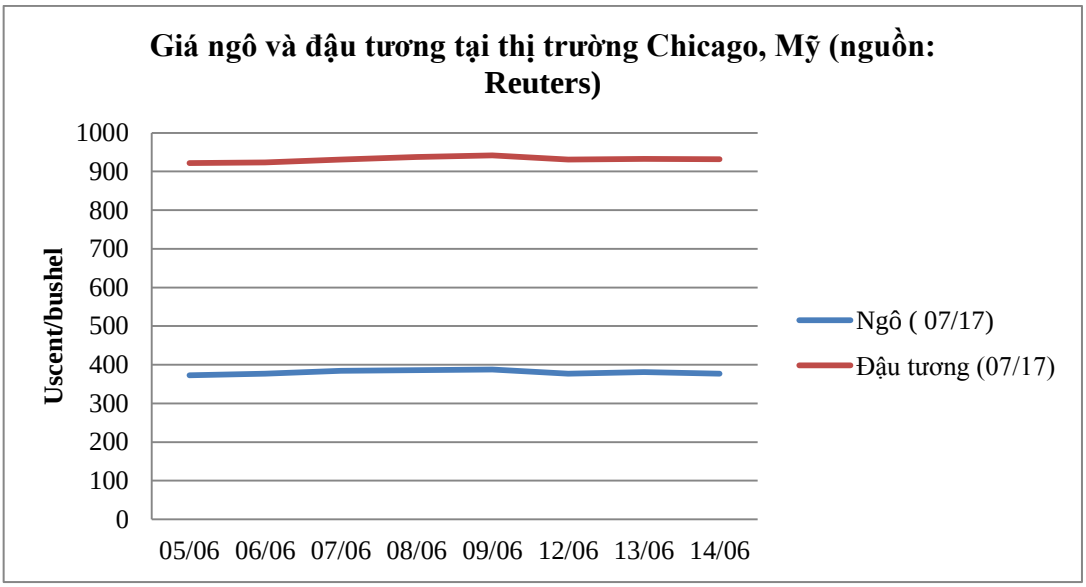


Tình hình xuất nhập khẩu: Tính đến 13/6 có 90 thương nhân người Trung Quốc sang phối hợp với thương nhân Việt Nam đặt điểm cân để xuất hàng sang thị trường Trung Quốc. Tính từ đầu mua đến nay tổng sản lượng vải tiêu thụ đạt 31.384 tấn. Trong đó tại thị trường nội địa tiêu thụ 21 ngàn tấn. Đối với 30 thị trường xuất khẩu trái vải như Mỹ, Úc, Pháp, Hàn Quốc, Nhật Bản… đến nay tiêu thụ 10 ngàn tấn. Riêng Trung Quốc đến nay tiêu thụ 9.500 tấn và cả vụ vải dự kiến sẽ tiêu thụ 40.000 tấn. Giá vải xuất khẩu đạt chuẩn GlobalGAP giá tại vườn hiện đang ở mức cao 65.0000 đ/kg.

CDH



Thị trường thế giới: Theo nguồn tin Reuters, thị trường ngô và đậu tương biến động không nhiều. Mức giá ngô vẫn dao động quanh mức 378-380 Uscent/bushel. Đồng thời, giá đậu tương cũng dao động quanh mức giá 931 Uscent/bushel. Tuy nhiên, xét tổng thể, thị trường ngô và đậu tương vẫn đang ở mức thấp bởi nguồn cung được dự báo dồi dào từ những quốc gia cung cấp lớn.



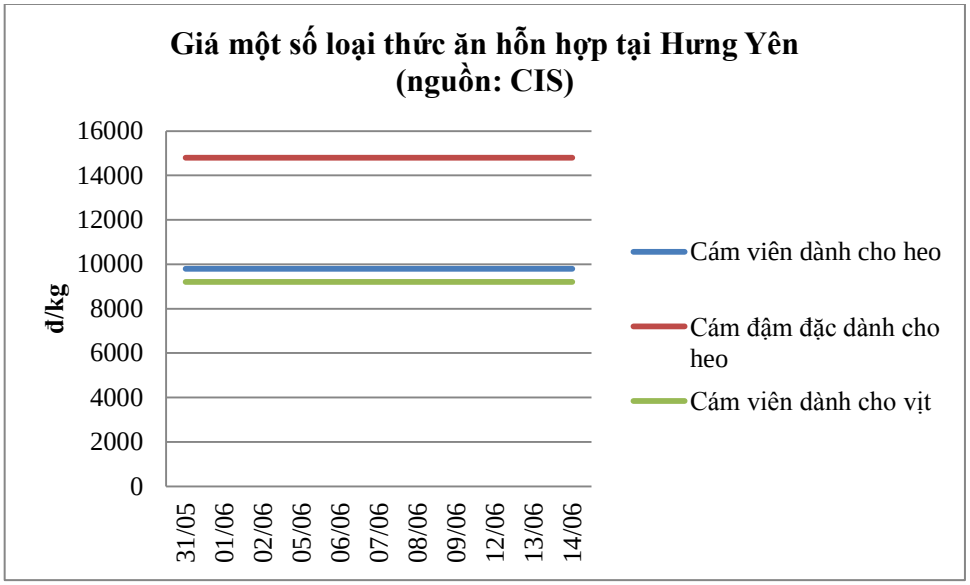
Theo số liệu thống kê mới nhất của USDA, sản lượng đậu tương niên vụ 2017/18 dự báo đạt 344,7 triệu tấn, giảm 3,3 triệu tấn so với niên vụ 2016/17. Lượng đậu tương tồn kho cuối kỳ toàn cầu niên vụ 2017/18 dự kiến ở mức 88,8 triệu tấn, giảm 1,9 triệu tấn so với niên vụ trước. Lượng đậu tương xuất khẩu toàn cầu dự kiến đạt 149,6 triệu tấn, tăng 5 tấn so với niên vụ trước.Với lượng xuất khẩu đạt mức cao kỷ lục 63,5 triệu tấn, Braxin tiếp tục vượt Mỹ là nước xuất khẩu đậu tương lớn nhất thế giới.

Sản lượng ngô của Argentina trong niên vụ này sẽ đạt mức 39 triệu tấn, và sẽ cạnh tranh hơn với Mỹ và Braxin do thu hoạch muộn. Tính đến thời điểm này, các nhà sản xuất mới thu hoạch được 40% diện tích canh tác , trong khi con số này của năm ngoái là 60%.

Ủy ban châu Âu giảm ước tính sản lượng ngũ cốc châu Âu trong niên vụ sắp tới dẫn đầu cắt giảm dự kiến sản lượng lúa mạch sau khi hạn hán tại Tây Ban Nha, dự báo sản lượng láu mạch EU trong năm 2017/18, xuống còn 59,5 triệu tấn, giảm so với 62,4 triệu tấn ước tính trước đó.

Thị trường trong nước: Giá thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu trong nước trong tuần qua vẫn ổn định mặc dù thị trường sản phẩm chăn nuôi đặc biệt là lợn hơi giảm mạnh. Theo hệ thống giá tại địa phương, giá thức ăn chăn nuôi hỗn hợp tại tỉnh Hưng Yên vẫn giữ ở mức ổn định của tuần trước. Cụ thể, giá cám viên dành cho heo ổn định ở mức giá 9.800đ/kg; giá cám đậm đặc dành cho heo có giá là 14.700đ/kg và giá cám viên dành cho vịt vẫn ở mức giá là 9.200đ/kg.





Theo Chủ tịch Hiệp hội TACN Việt Nam nhập khẩu TACN tăng trong khi tổng đàn lợn giảm là do giá nguyên liệu thế giới giảm, các doanh nghiệp đẩy mạnh nhập khẩu để tích trữ. Điều này là hoàn toàn bình thường. Khi nguyên liệu đầu vào giảm (giá nguyên liệu chế biến) thì đầu ra (giá TACN) cũng phải giảm. Nhưng trên thực tế, giá TACN khi đến tay người chăn nuôi những năm qua vẫn luôn có chiều hướng gia tăng.

Nghịch lý giá TACN đang "ăn mòn" lợi nhuận, làm gia tăng khó khăn cho người chăn nuôi, đặc biệt là những hộ chăn nuôi nhỏ lẻ. Ngược lại, đối tượng được hưởng lợi nhất trong bất kỳ hoàn cảnh nào là các nhà máy chế biến TACN. Hiện nay cả nước hiện có trên 200 nhà máy sản xuất TACN song thị phần lớn nằm trong tay các doanh nghiệp của Úc, Thái Lan, Mỹ hay Đài Loan. Các doanh nghiệp này nhập khẩu một khối lượng nguyên liệu từ công ty mẹ để sản xuất TACN trong nước.

Thực tế này đòi hỏi cần phải giải pháp nhằm bình ổn thị trường TACN, các cơ quan chức năng cần có giải pháp để bảo vệ quyền lợi của người chăn nuôi trong mối quan hệ liên kết với nhà máy chế biến TACN nước ngoài. Chính vì thế, tại phiên trả lời chất vấn trước Quốc hội sáng 13/6, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT cũng cho rằng: "Cần tổ chức lại sản xuất ngành TACN. 23 triệu tấn cám công nghiệp hiện nay đang quá thừa. Bộ sẽ có thông báo yêu cầu các tỉnh không cho phát triển nữa, chuyển một phần sản xuất sang cám truyền thống để chăn nuôi truyền thống, giảm nhập nguyên liệu về làm cám công nghiệp".

CDH

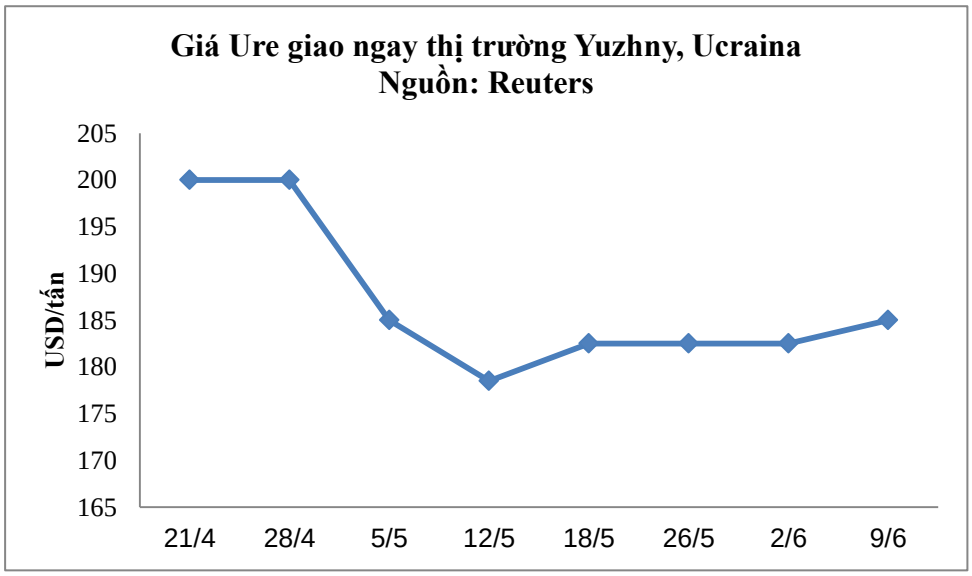
PHÂN BÓN



Thị trường thế giới: Giá các loại phân bón thị trường Mỹ biến động tăng nhẹ trong tuần qua. Trong số 8 mặt hàng phân bón, có 4 mặt hàng tăng nhẹ so với một tháng trước đó là DAP, MAP, phân lân và UAN28. Giá DAP hiện tại là 438 USD/tấn, MAP là 469 USD/tấn, phân lân là 339 USD/tấn và UAN28 là 246 USD/tấn.

4 mặt hàng phân bón còn lại giảm nhẹ so với một tháng trước đó là Ure, phân 10-34-0, anhydrous và UAN32 với mức giá lần lượt hiện tại là 338 USD/tấn, 435 USD/tấn, 503 USD/tấn và 278 USD/tấn.

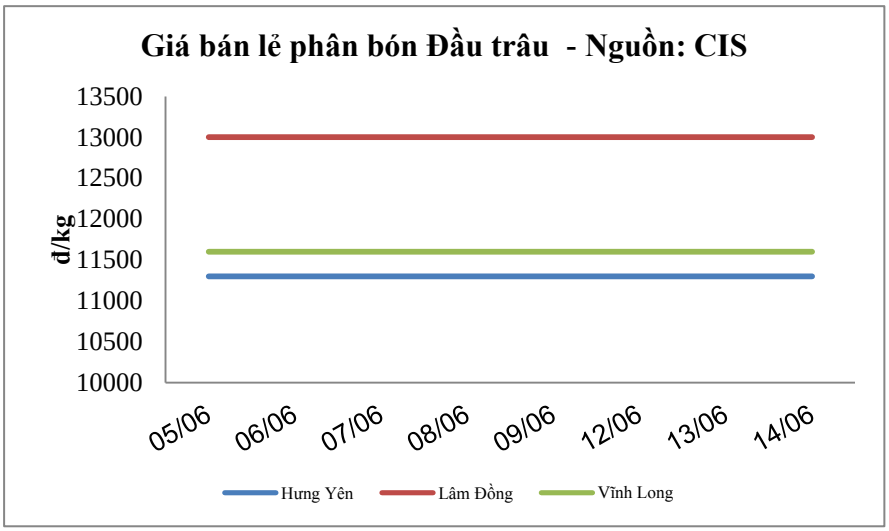
So với cùng kỳ năm trước, 8 mặt hàng phân bón nói trên đều giảm. Giảm mạnh nhất là phân 10-34-0 với mức giảm 22%, anhydrous giảm 13%, UAN32 giảm 11% và Ure giảm 10%. DAP giảm 8%, UAN28 giảm 7%, 2 mặt hàng MAP và phân lân giảm 6%.



Thị trường trong nước: Sau khi tăng lên ở mức cao trong những tháng đầu năm 2017, hiện giá nhiều loại phân bón tại vùng ĐBSCL đã giảm trở lại. Nguồn cung phân bón trên thị trường đang rất dồi dào, dự báo giá có khả năng tiếp tục giảm trong thời gian tới. Vụ lúa hè thu vừa rồi, phân Urê Phú Mỹ tới 400.000 đ/bao, nhưng nay giá giảm chỉ còn 330.000 đ/bao. Các loại phân bón DAP, NPK, Kali cũng giảm vài chục ngàn đồng/bao so với trước. Giá nhiều loại phân bón như: Urê, Kali, DAP… hiện giảm ít nhất từ 10.000-80.000 đồng/bao 50kg so với cách đây hơn 3 tháng (thời điểm giá phân bón đạt mức cao nhất). Tại Cần Thơ, Urê Phú Mỹ (Việt Nam) từ trên dưới 400.000 đ/bao, giảm chỉ còn 330.000-340.000 đ/bao. Đạm Cà Mau (Urê Cà Mau) và nhiều loại Urê nhập khẩu từ Trung Quốc, Indonesia và Nga đang ở mức 320.000 - 330.000 đ/bao. Trong khi đó, giá phân bón DAP (Trung Quốc, loại xanh Hồng Hà) 540.000 đ/bao; NPK 20-20-15 Bình Điền và NPK 20-20-15 Cò Bay từ 520.000-530.000 đ/bao; NPK 16-16-8 Việt Nhật khoảng 460.000 đ/bao. Giá phân bón Kali (Canada, Israel, Nga, Úc) đang phổ biến từ 370.000- 400.000 đ/bao; lân (Long Thành) khoảng 140.000 đ/bao.Giá phân bón giảm do nguồn cung dồi dào và nhu cầu tiêu thụ của thị trường có xu hướng giảm so với trước.



Hằng năm, sức tiêu thụ phân bón trong vụ thu đông thường không bằng vụ đông xuân và hè thu do diện tích sản xuất lúa thường giảm mạnh. Nhu cầu bón phân cho các loại cây ăn trái và nhiều loại cây trồng khác trong vụ thu đông cũng giảm do nông dân hạn chế bón phân cho cây trồng trước các tác động bất lợi của các yếu tố thời tiết như: mưa gió, bão lũ.



HNN

THÁCH THỨC ĐỐI VỚI XUẤT KHẨU GỖ VÀO THỊ TRƯỜNG EU

Liên minh châu Âu (EU) là một trong những thị trường lớn của ngành đồ gỗ và thủ công mỹ nghệ Việt Nam. Tuy nhiên việc hội nhập sâu vào thị trường này đang đặt ra không ít thách thức cho doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam.

EU hiện là thị trường xuất khẩu đồ gỗ lớn thứ 4 của Việt Nam, với kim ngạch hơn 740 triệu USD trong năm 2016. Trong năm 2017, triển vọng phát triển ngành gỗ và thủ công mỹ nghệ tại thị trường châu Âu được dự báo tăng trưởng khả quan hơn nhờ tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) dự kiến có hiệu lực vào đầu năm 2018 và Hiệp định đối tác tự nguyện về thực thi lâm luật, quản trị rừng, thương mại gỗ và sản phẩm gỗ (VPA/FLEGT) vừa được Việt Nam và EU ký tắt vào tháng 5/2017. Đây là nền tảng để các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu, gia tăng giá trị trao đổi thương mại đối với các mặt hàng chủ lực, trong đó có gỗ và các sản phẩm gỗ. Cụ thể, thuế nhập khẩu ván ép và các sản phẩm tương tự sẽ loại bỏ thuế quan trong 3 - 5 năm; sản phẩm nội ngoại thất, mức thuế từ 2,7 - 5,7% hiện nay cũng sẽ được xóa bỏ ngay khi EVFTA có hiệu lực.

Tuy nhiên, việc cắt giảm thuế quan từ EVFTA không tác động nhiều đến việc thúc đẩy thương mại ngành gỗ và sản phẩm gỗ từ Việt Nam vào EU. Vì trên thực tế, EU đã áp dụng thuế nhập khẩu 0% cho hầu hết các sản phẩm gỗ, đồ gỗ từ các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Do đó, cơ hội thúc đẩy xuất khẩu vào thị trường EU không lớn, ngược lại doanh nghiệp gỗ Việt Nam đang phải đối mặt với rất nhiều thách thức khi muốn thâm nhập thị trường này.

EVFTA không đơn thuần xóa bỏ thuế quan mà chú trọng nhiều đến việc giải quyết các rào cản kỹ thuật nhằm tạo ra sân chơi bình đẳng giữa các doanh nghiệp; đồng thời tập trung bảo vệ các tiêu chuẩn xã hội và môi trường. Mặc dù, ngành gỗ Việt Nam đã tạo được chỗ đứng nhất định về mặt kỹ thuật, tuy nhiên các nhà nhập khẩu châu Âu hiện đang quan ngại về vấn đề truy xuất nguồn gốc gỗ, việc sử dụng hóa chất trong sản xuất, tính bền vững và đặc biệt là việc tuân thủ quyền sở hữu trí tuệ của các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam.

Theo nhiều doanh nghiệp ngành gỗ, truy xuất nguồn gốc gỗ và các trách nhiệm xã hội đang là vướng mắc lớn của doanh nghiệp. Trong đó, quy trình chứng minh nguồn gốc gỗ hợp pháp còn phức tạp, kể cả các nguyên liệu gỗ trồng như: cao su, tràm... Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp cũng chưa biết phải đến cơ quan, tổ chức nào để xin cấp các chứng nhận về nguồn gốc gỗ hay những tiêu chuẩn nào có thể đáp ứng được tiêu chí về môi trường, điều kiện làm việc cho người lao động.

Bên cạnh đó, một trong những thách thức của doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam hiện nay là sự thay đổi trong lựa chọn sản phẩm đồ gỗ chế biến của người tiêu dùng châu Âu. Theo đó, người tiêu dùng châu Âu có xu hướng chuyển qua sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, nhưng lại không sẵn sàng chi trả nhiều tiền. Mặt khác, các doanh nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu sang thị trường EU không chỉ đối mặt với sự cạnh tranh của các doanh nghiệp từ các nước trong khu vực Đông Nam Á, Trung Quốc, Ấn Độ mà còn chịu sức ép từ các khu vực sản xuất đồ gỗ mới nổi như: Đông Âu, châu Phi,... trong việc ứng dụng công nghệ để tạo ra sản phẩm giá trị gia tăng.

Mặc dù kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ và sản phẩm gỗ vào thị trường EU chỉ chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ, đồ gỗ của Việt Nam, tuy nhiên, EU là thị trường mang tính then chốt trong chiến lược phát triển lâu dài của các doanh nghiệp gỗ xuất khẩu. Khi đáp ứng được các tiêu chuẩn của thị trường châu Âu, các sản phẩm gỗ Việt Nam sẽ dễ dàng tiếp cận các thị trường khó tính khác, thậm chí có thể đạt tiêu chuẩn xuất khẩu chung của thế giới. Do đó, việc đáp ứng các yêu cầu của thị trường EU là bài toán mà các doanh nghiệp xuất khẩu ngành gỗ Việt Nam phải nhanh chóng tìm ra lời giải.

Các doanh nghiệp ngành gỗ Việt Nam phải chủ động nâng cao khả năng tiếp cận thông tin, nắm bắt các tiêu chuẩn của EU và tìm giải pháp đáp ứng phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp mình. Trong đó, các doanh nghiệp phải xây dựng được quy trình kiểm soát chất lượng, kiểm soát việc sử dụng hóa chất trong toàn bộ quy trình sản xuất. Ngoài ra, đối với yêu cầu về nguồn gốc nguyên liệu, doanh nghiệp nên tiếp cận các nguồn gỗ có mức rủi ro thấp, được chứng nhận về xuất xứ...Các doanh nghiệp Việt Nam cũng nên có kế hoạch đầu tư lâu dài từ việc trồng rừng, khai thác và sử dụng hiệu quả các vùng nguyên liệu trong nước để chủ động trong việc chứng minh nguồn gốc nguyên liệu. Mặt khác, doanh nghiệp Việt Nam cũng cần cải tiến công nghệ nhằm nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh cho sản phẩm của mình.

Ngành chế biến gỗ Việt Nam phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cả về tay nghề thiết kế lẫn khả năng nắm bắt các yêu cầu cũng như xu hướng mới của thị trường. Ngoài ra, các doanh nghiệp ngành gỗ Việt Nam nên tăng cường việc liên kết, đa dạng hóa sản xuất và đầu tư vào công nghệ để gia tăng hiệu quả sử dụng nguyên liệu cũng như giảm giá thành sản phẩm nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh cũng như tiến sâu hơn vào các thị trường tiêu dùng đồ gỗ lớn trên thế giới ý.

Tài liệu tham khảo:

- Chinhphu.vn
- vinanet.com.vn
- Nông nghiệp Việt Nam
- Thông tấn xã Việt Nam
- Báo Hải quan
- Báo Công Thương;
- Kinhtenongthon.vn;
- Tintucnongnghiep.com;
- Vinanet.com.vn;
- Tổng Cục Hải quan;
- Báo Điện tử Chính phủ

MUỐI



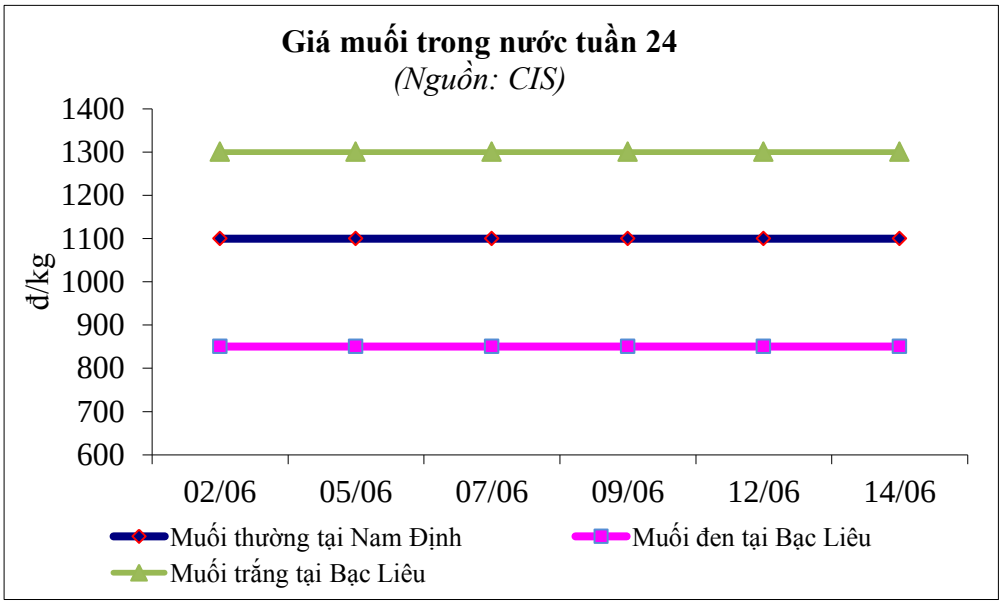
Giá muối trên thị trường trong nước hiện đứng ở mức cao. Tại tỉnh Bạc Liêu, giá mua đã tăng hơn 100% so với đầu vụ, nhiều diêm dân tiếc nuối vì không còn muối để bán. Cụ thể, muối đen hiện được thương lái mua với giá từ 700 - 900 đ/kg; muối trắng từ 1.200 - 1.300 đ/kg. Trong khi đó, giá muối cuối vụ năm trước và đầu vụ năm nay chỉ khoảng 250 - 500 đ/kg muối đen; muối trắng dao động từ 500 - 600 đ/kg.

Theo Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Bạc Liêu, cho biết, giá muối tăng mạnh là do sản lượng muối vụ này giảm mạnh. Trong khi đó, nhu cầu thị trường có chiều hướng tiêu thụ mạnh. Nguyên nhân là do ở vụ muối năm trước, lượng muối còn tồn nhiều nên diêm dân không dám mạnh dạn sản xuất; đồng thời, có một số diện tích đã chuyển sang nuôi trồng thủy sản. Hơn nữa, mùa mưa năm vừa rồi kết thúc muộn, nên vụ muối bị bắt đầu trễ. Mùa mưa năm nay cũng đến sớm, dẫn đến thời gian sản xuất ngắn. Nhưng do đợt mưa trái mùa diễn ra thường xuyên nên năng suất muối không cao.

Theo đề án quy hoạch đến năm 2020, tỉnh Bạc Liêu sẽ chuyển khoảng 500 ha sản xuất muối kém hiệu quả sang nuôi Artemia, nuôi trồng thủy sản. Trước đó, giá muối giảm mạnh trong thời gian dài khiến địa phương khuyến cáo diêm dân thận trọng mở đầu tư sản xuất; đồng thời, khuyến khích chuyển sang nuôi trồng những cây, con có giá trị kinh tế cao, đầu ra ổn định.

Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, giá muối giữ ổn định tại một số địa phương trong tuần qua. Cụ thể, tại Bạc Liêu, giá bán buôn muối đen ổn định ở mức 750 – 850 đ/kg; muối trắng ở mức 1.200 – 1.300 đ/kg. Tại Nam Định, giá bán buôn muối thường giữ ở mức 1.100 đ/kg.

Tại Hưng Yên, giá muối vẫn giữ ổn định, muối iot có giá 5.000 đ/kg, muối thường là 3.800 đ/kg. Tại Hà Nội, giá muối thô ở mức 2.900 đ/kg, muối tinh là 3.200 đ/kg.



N.L.A

BẢNG GIÁ NÔNG SẢN TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC, THẾ GIỚI

CÀ PHÊ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	12/06	13/06	14/06
Trong nước										
Cà phê nhân xô vối	Đắc lắc-TP Buôn Mê Thuột	đ/kg	43200	43500	43300		43100	43300	44200	44000
Cà phê nhân xô vối	Đà Lạt - Lâm Đồng	đ/kg	43000	43000	43000	42500	42600	42800	43700	43500
Thế giới										
Cà phê Robusta (07/17)	London - Anh	USD /tấn	1996	1985	1972	1983	2002	2030	2022	2038
cà phê Arabica (07/17)	Mỹ	Uscent /lb	128.45	125.55	125.75	126.35	126.55	127.6	126.4	125.55

CAO SU										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	12/06	13/06	14/06
Trong nước										
Mủ cao su dạng nước (32 độ/kg)	Đồng Nai	đ/kg			13000					13000
Thế giới										
cao su RSS3 (06/17)	TOCOM-Nhật Bản	Yên/kg	214	199.9	195.4	190	190.5	190.2	192	209.5
RSS3 C1 BKK (Giao ngay)	Bangkok - Thái Lan	TLB /kg	63.15	62.25	61.95	62.85	64.2	61.9	61.9	63.05
SIR20 BELAWAN NN (06/17)	Indonesia	Uscent /kg	167.5		157	156.5	156.5	156.5	157	154

ĐƯỜNG										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	12/06	13/06	14/06
Đường trắng (08/17)	London -Anh	USD /tấn	412.9	413.9	418.2	420.3	416.9	410.2	405.9	401.6

CHĂN NUÔI										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	12/06	13/06	14/06
Trong nước										
Gà trống ta hơi	Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ	đ/kg	95000	95000	95000	95000	95000	95000	95000	95000
Gà Công nghiệp hơi	Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ	đ/kg	26000	26000	26000	26000	26000	26000	26000	26000
Gà trống ta hơi	An Giang-Thoại Sơn	đ/kg	90000	90000	90000	90000	90000	90000	90000	90000
Lợn hơi	Vĩnh Long-Chợ Vũng Liêm	đ/kg	24000		24000		24000	24000		24000
Lợn hơi	An Giang-Thoại Sơn	đ/kg	26000	25000	25000	25000	25000	25000	25000	25000
Thế giới										
Lợn hơi (06/17)	Chicago - Mỹ	Uscent /lb	80.725	81.65	81.625	82.025	82.475	81.975	82.775	83

THỨC ĂN CHĂN NUÔI										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	12/06	13/06	14/06
Trong nước										
Cám viên heo từ 40 - 70 kg mã số 1041H	Hưng Yên-Yên Mỹ	đ/kg	9800		9800		9800	9800		9800
Cám đậm đặc loại từ 10 kg - Xuất chuồng mã số 9020HS	Hưng Yên-Yên Mỹ	đ/kg	14800		14800		14800	14800		14800
Thế giới										
Ngô (07/17)	Chicago - Mỹ	Uscent /Bushel	373	377.25	384.75	385.75	387.75	377.25	381	377
Đậu tương (07/17)	Chicago - Mỹ	Uscent /Bushel	922	923.5	930.75	938	941.5	931.25	932.5	931.75

CHÈ									
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY						
			05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	12/06	13/06	14/06
Chè xanh búp khô	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	100000		100000		100000		100000	100000
Chè cành chất lượng cao	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	185000		185000		185000		185000	185000
Chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1)	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	130000		130000		130000		130000	130000
Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 1	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg								
Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 2	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg								
Sản xuất chè xanh (giá loại 1)	Lâm Đồng - Bảo Lộc	đ/kg	9000	9000	9000	9000	9000	9000	9000	9000
Sản xuất chè đen (giá loại 1)	Lâm Đồng - Bảo Lộc	đ/kg	5000	5000	5000	5000	5000	5000	5000	5000
Thế giới										
Chè Kenya (giao ngay)	Kenya	USD /kg								3.99

PHÂN BÓN										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	12/06	13/06	14/06
Trong nước										
Phân Đầu trâu L1	Hưng Yên- Yên Mỹ- Trung Hưng	đ/kg	11300		11300		11300	11300		11300
NPK cò pháp (20-20-15)	Lâm Đồng - Đà Lạt	đ/kg	13000	13000	13000	13000	13000	13000	13000	13000
NPK 20-20-15-TE	Vĩnh Long-Bình Minh	đ/bao 50kg	580000		560000		560000	560000		560000
Thế giới										
Urea Yuzhny (Giao ngay)	Nga	USD /tấn					185			

GỖ									
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY						
			05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	12/06	13/06	14/06
Gỗ xẻ (07/17)	Chicago - Mỹ	USD /tbf	351.6	355	357.9	363.6	364.4	370.2	368.9	368

THỦY SẢN									
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY						
			05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	12/06	13/06	14/06
Tôm sú nuôi 40-45 con/kg	Hưng Yên-Yên Mỹ	đ/kg	300000		300000		300000	300000		300000
Tôm sú nuôi 30-35 con/kg	Hưng Yên-Yên Mỹ	đ/kg	350000		350000		350000	350000		350000
Cá tra thịt trắng	Vĩnh Long	đ/kg	23000		23000		23000	22500		22500
Tôm càng xanh	Vĩnh Long	đ/kg	280000		280000		280000	280000		280000
Cá tra	An Giang	đ/kg	23000	23000	23000	23000	23000	23000	23000	23000
Tôm càng xanh	An Giang	đ/kg	190000	190000	190000	190000	190000	190000	190000	190000

LÚA, GẠO									
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY						
			05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	12/06	13/06	14/06
Lúa hè thu IR50404 (lúa ướt)	Vĩnh Long	đ/kg	4300		4300		4300	4300		4300
Lúa IR 50404 (lúa ướt)	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	4400	4400	4400	4400	4400	4500	4500	4500
Lúa CLC OM 2514 (lúa ướt)	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	4500	4500	4500	4500	4500	4600	4600	4600
Lúa CLC OM 5451 (lúa ướt)	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	5200	5200	5200	5200	5200	5200	5200	5200
Lúa CLC OM 4218 (lúa ướt)	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	4700	4700	4700	4700	4700	4700	4700	4700
Lúa CLC OM 6976 (lúa ướt)	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	4800	4800	4800	4800	4800	4800	4800	4800
Lúa OM 5451 (lúa tươi)	Bạc Liêu- Huyện Vĩnh Lợi	đ/kg								
Lúa khô IR 50404	Kiên Giang- Tân Hiệp	đ/kg	5100		5100		5100	5100		5100
Lúa khô OM 4218	Kiên Giang- Tân Hiệp	đ/kg	5900		5900		5900	5900		5900
Gạo IR50404	Vĩnh Long	đ/kg	10000		10000		10000	10000		10000
Gạo tẻ IR 50404	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	9500	9500	9500	9500	9500	9500	9500	9500

HẠT TIÊU									
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY						
			05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	12/06	13/06	14/06
Hạt tiêu đen	Đồng Nai	đ/kg			80500					80000
Hạt tiêu đen	Đắc lắc- TP Buôn Mê Thuột	đ/kg	75000	75000	75000	72000	72000	72000	72000	74000

HẠT ĐIỀU									
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY						
			05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	12/06	13/06	14/06
Hạt điều khô mua xô	Đăk Lăk	đ/kg	43000	43000	43000	43000	43000	43000	43000	43000

PHỤ LỤC

RAU									
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY						
			05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	12/06	13/06	14/06
Bắp cải trắng loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	2500	2500	2500	2500	2500	3000	3500	3500
Bắp cải tím loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	7000	7000	7000	7000	7000	9000	10000	10000
Hành tây loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000
Cà chua thường loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	6000	6000	6000	6000	6000	6000	6000	6000
Hoa lơ trắng loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000
Hoa lơ xanh loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	12000	12000	12000	12000	12000	12000	12000	12000
Cà rốt loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	6000	6000	6000	6000	6000	6000	6000	6000
Đậu Hà lan (trái non)	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	55000	55000	55000	55000	55000	55000	55000	55000
Đậu cove	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	6000	6000	6000	6000	6000	6000	6000	6000
Khoai tây ta loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	14000	14000	14000	15000	15000	15000	15000	15000
Cải thảo loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	8000	8000	8000	8000	8000	6500	6000	6000
Củ dền loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	8000	8000	8000	8000	8000	8000	8000	8000
Cải bó xôi loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	17000	17000	18000	18000	18000	18000	18000	18000

THỦY SẢN									
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY						
			05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	12/06	13/06	14/06
Tôm sú nuôi 40-45 con/kg	Hưng Yên-Yên Mỹ	đ/kg	300000		300000		300000	300000		300000
Tôm sú nuôi 30-35 con/kg	Hưng Yên-Yên Mỹ	đ/kg	350000		350000		350000	350000		350000
Cá tra thịt trắng	Vĩnh Long	đ/kg	23000		23000		23000	22500		22500
Tôm càng xanh	Vĩnh Long	đ/kg	280000		280000		280000	280000		280000
Cá tra	An Giang	đ/kg	23000	23000	23000	23000	23000	23000	23000	23000
Tôm càng xanh	An Giang	đ/kg	190000	190000	190000	190000	190000	190000	190000	190000

QUẢ									
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY						
			05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	12/06	13/06	14/06
Xoài cát Hòa Lộc	Tiền Giang	đ/kg	40000	40000	40000	40000	40000	40000	40000	40000
Xoài Cát Chu	Tiền Giang	đ/kg	12000	12000	12000	12000	12000	14000	14000	14000
Dưa hấu loại 1	Tiền Giang	đ/kg	6000	6000	6000	6000	6000	6000	6000	6000
Thanh long ruột đỏ	Tiền Giang	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	16000	16000	18000
Thanh long ruột trắng	Tiền Giang	đ/kg	5000	5000	5000	5000	5000	8000	8000	9000
Chôm chôm Java	Tiền Giang	đ/kg	30000	30000	30000	30000	30000	32000	32000	32000
Chôm chôm nhãn	Tiền Giang	đ/kg	35000	35000	35000	40000	40000	45000	45000	45000
Chôm chôm Rong-Riêng	Tiền Giang	đ/kg	48000	50000	50000	50000	50000	52000	52000	52000
Sầu riêng monthong loại 1	Tiền Giang	đ/kg	44000	40000	38000	38000	38000	36000	36000	38000
Sầu riêng Ri6 loại 1	Tiền Giang	đ/kg	50000	45000	42000	42000	42000	38000	38000	40000